



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 30

Ngày 15 tháng 5 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 16-4-2014 - Quyết định số 1865/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. 2
- 17-4-2014 - Quyết định số 1869/QĐ-UBND về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”. 36

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1865/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phát triển nền Đông Y và Hội Đông Y Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ

về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 156-KL/TU ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án “Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1334/SYT-KHHTH ngày 14 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế gắn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, có tính đến vị trí, vai trò của ngành trong vùng kinh tế trọng điểm, trong khu vực. Cân đối hài hòa toàn diện cả hai loại hình công lập và ngoài công lập, thông qua việc thực hiện xã hội hóa đầu tư, trong đó y tế công lập giữ vai trò chủ đạo. Thực hiện giảm quá tải bệnh viện.

Đảm bảo phát triển nguồn nhân lực có y đức, tận tụy phục vụ người bệnh, phục vụ cộng đồng; đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng; về quy mô phát triển trước mắt và lâu dài. Đào tạo nguồn nhân lực ngang tầm với khu vực ASEAN; đủ trình độ và điều kiện khám chữa bệnh theo chuẩn quốc tế, chuẩn Châu Âu. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và đầu tư y tế kỹ thuật cao, hiện đại kết hợp với việc sử dụng vốn quý của nền y học dân tộc, cổ truyền. Phần đầu trở thành 1 trong 9 ngành dịch vụ chất lượng cao của Thành phố.

Xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp từ tuyến y tế cơ sở đến tuyến Thành phố mang tính chuyên sâu, phát triển mạng lưới vận chuyển cấp cứu chuyên nghiệp, hiện đại, góp phần thực hiện công bằng, hiệu quả trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng hệ thống y tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyên nghiệp, hiện đại, hoàn chỉnh, hướng tới công bằng, hiệu quả và phát triển, bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân Thành phố và các tỉnh lân cận; trở thành một trong những trung tâm y tế chuyên sâu, dịch vụ chất lượng cao của khu vực phía Nam và cả nước, ngang tầm hệ thống y tế của các nước phát triển trong khu vực; có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, tiên tiến và là trung tâm đào tạo, khoa học, công nghệ cao về y học hàng đầu của cả nước. Đồng thời phát triển ngành y tế trở thành ngành dịch vụ chất lượng cao, đóng góp lớn vào sự tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của Thành phố.

Giảm các yếu tố nguy cơ gây bệnh, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ của người dân, xây dựng được tập quán tốt về vệ sinh phòng bệnh, thói quen ăn uống, dinh dưỡng, sử dụng an toàn vệ sinh thực phẩm. Mọi người đều được sống trong môi trường và cộng đồng an toàn về mặt sức khỏe, phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Xây dựng và cơ cấu lại hệ thống y tế công cộng, đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, các chương trình sức khỏe, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu.

2. Xây dựng và phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh theo cụm dân cư không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm hệ thống y tế các nước tiên tiến trong khu vực, hoàn thiện mạng lưới cấp cứu, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, đảm bảo cho mọi người dân tiếp cận đầy đủ và thuận lợi với các dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến, góp phần giảm quá tải ở một số cơ sở y tế như hiện nay, đáp ứng mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển, hướng tới là ngành cung ứng dịch vụ y tế cao cấp của Thành phố và khu vực ASEAN.

3. Phát triển ngành Y học cổ truyền ngang tầm với ngành y học cổ truyền của các nước phát triển của khu vực Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc để mang lại hiệu quả về kinh tế, đồng thời giới thiệu một nét văn hóa về y học cổ truyền của Thành phố.

4. Phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn. Phát triển mạnh ngành công nghiệp nguyên liệu dược, đặc biệt về trồng trọt và chiết xuất dược; nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao. Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc và vắc-xin phục vụ phòng bệnh, phòng chống dịch, phòng chống thảm họa, thiên tai và khám chữa bệnh.

5. Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và sắp xếp phù hợp cho các tuyến. Đào tạo Bác sĩ theo chuẩn Châu Âu, ngang tầm với khu vực ASEAN. Bảo đảm bác sỹ, dược sỹ /10.000 dân theo từng giai đoạn, nhất là đội ngũ chuyên gia có trình độ cao và đồng bộ hóa theo tiêu chuẩn chuyên môn, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có đức, có tài để phục vụ người bệnh ngày càng hiệu quả.

6. Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước một cách toàn diện về các hoạt động y tế; Đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân kịp thời, thuận lợi, nhằm nâng cao năng suất lao động của đội ngũ nhân viên y tế và tạo thuận lợi cho việc phục vụ chăm sóc sức khỏe người dân; thực hiện phân cấp đầy

đủ cho các tuyến y tế để chủ động trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chỉ đạo có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, các dự án phát triển y tế của Thành phố.

7. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần, gắn chặt với nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố. Cơ cấu dân số, trong đó tập trung vào 3 lĩnh vực: khống chế tốc độ gia tăng của tỷ số giới tính khi sinh; nhanh chóng thích ứng với sự già hóa dân số; tận dụng giai đoạn cơ cấu “dân số vàng”.

IV. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

Chỉ tiêu	2013	2015	2020	Ghi chú
Một số chỉ tiêu về sức khỏe				
Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng (%)	6,7	<8	<8	
Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi (%)	4,29	≤10	≤10	
Tỷ suất tử vong mẹ (p100.000)	6,02	≤10	≤10	
Lĩnh vực Y tế công cộng				
Trạm Y tế phường xã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất	92%	100%	100%	
Trung tâm Y tế quận huyện đạt chuẩn thiết kế	41.6%	100%	100%	
Trung tâm thuộc hệ dự phòng Thành phố đạt chuẩn thiết kế	100%	100%	100%	
Các trung tâm Y tế quận huyện, một số các trung tâm không giường bệnh như: Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố, Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế có quy trình để giám sát, kiểm soát và phòng chống dịch bệnh	100%	100%	100%	
Trạm Y tế là trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện mô hình Bác sĩ Gia đình	28,26%	100%	100%	
Lĩnh vực an toàn thực phẩm				

- Tổng sản lượng nông sản, thực phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn sẽ được quản lý theo chuỗi thực phẩm		50%	80%	
- Nông sản, thực phẩm kinh doanh trong siêu thị, cửa hàng văn minh tiện ích và tại 3 chợ đầu mối, được kiểm soát nguồn gốc an toàn thực phẩm.	100% (trong các siêu thị)	100%	100%	Chỉ tiêu phần đầu
- Người sản xuất, người kinh doanh thực phẩm, người quản lý biết đúng và thực hành đúng về an toàn thực phẩm. - Người tiêu dùng hiểu biết đúng và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.		90%	100%	Chỉ tiêu phần đầu
- Quầy sạp kinh doanh tại các chợ đầu mối, chợ truyền thống loại 1, loại 2, loại 3 được quản lý và cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	95,77 % (3 chợ đầu mối)	100%	100%	Chỉ tiêu phần đầu
Bếp ăn tập thể, căn tin trường học; khu chế xuất, khu công nghiệp; cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp được quản lý và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trong đó, cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP, HACCP).	95,98%	100%	100%	Chỉ tiêu phần đầu
- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm quy mô công nghiệp, tập trung được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Trong đó, số cơ sở đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP, HACCP). - Cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm quy mô nhỏ đạt đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	97%	100%	100%	Chỉ tiêu phần đầu
		40%	50%	
		50%		

- Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên 30 người mắc so với trung bình 5 năm (2006 - 2010), Trong đó, Ngộ độc do vi sinh chiếm số vụ ngộ độc. Không để xảy ra dịch lây qua đường thực phẩm. - Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận dưới 7 người/100.000 dân.		Giảm 70% < 20%	Giảm 90% <10%	Chi tiêu phần đầu
	8,5/100.000 dân	7/100.000 dân	6/100.000 dân	
Lĩnh vực Khám chữa bệnh, phục hồi chức năng				
Số giường bệnh trên 10.000 dân	42	42	42	30-50% giường bệnh xã hội hóa
Số lượt điều trị nội trú/100 dân;	13,6	12,5	13	
Số ngày điều trị trung bình là 6,98 ngày/ bệnh nhân	6,64 ngày/ bệnh nhân	giảm 0,19 ngày/năm	5 ngày/ bệnh nhân	
Giảm tình trạng quá tải ở các Bệnh viện Ung bướu, Nhi, Sản, Chấn thương chỉnh hình	-	70%	80%	
Bệnh viện đa khoa đều có khoa Y học cổ truyền	90%	100%	100%	
Cơ sở y tế đạt tiêu chí thiết kế hiện đại, trang thiết bị kỹ thuật cao.	-	70%	100%	
Lưu lượng nước thải y tế phát sinh được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường	99,77%	100%	100%	
Khối lượng rác thải y tế nguy hại phát sinh được xử lý	100%	100%	100%	
Lĩnh vực Dược				
Doanh nghiệp sản xuất dược trên địa bàn Thành phố đạt tiêu chuẩn GMP	100%	100%	100%	
Nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP	92%	100%	100%	

Đào tạo nguồn nhân lực				
Số bác sĩ / 10.000 dân	14	15	20	
Số dược sĩ / 10.000 dân	8,79	6,2	6,5	
Số điều dưỡng / 10.000 dân	28	25	30	
Số bác sĩ ở Trạm Y tế	89,4%	100%	100%	
Số cán bộ y tế mỗi Trạm Y tế	6,5 cán bộ y tế	1 Bác sĩ - 8 cán bộ y tế	2 Bác sĩ- 10 cán bộ y tế	
Khối trung tâm không giường bệnh tuyến Thành phố và Trung tâm Y tế quận huyện đạt mức biên chế /10.000 dân	4,3	7	8 biên chế	
Biên chế Trạm Y tế / 10.000 dân	2,64	3	4 biên chế	
Lĩnh vực y tế dự phòng và tuyến y tế cơ sở đạt Cán bộ y tế/tổng Cán bộ y tế thuộc ngành	12,28%	15%	30%	
Tuyển phường xã có cán bộ chuyên trách công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình (kể cả Phòng Y tế)	100%	100%	100%	
Phòng Y tế có cán bộ Y học cổ truyền	25%	100%	100%	
Trạm Y tế phường xã có cán bộ Y học cổ truyền	75,77%	100%	100%	
Cán bộ y tế công tác tại bệnh viện hạng 1 được đào tạo nâng cao sau Đại học	50%	50%	70%	
Cán bộ y tế công tác tại bệnh viện hạng 2 có trình độ sau Đại học	35%	40%	50%	
Cơ sở y tế có hệ thống thông tin liên lạc điện tử	-		100%	
Cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng.	-		100%	
Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình				
Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm	1,08%	Dưới 1,1%	Dưới 1,1%	

V. NỘI DUNG THỰC HIỆN QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2013 - 2015; GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

1. Lĩnh vực Y tế công cộng:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Về tổ chức - mạng lưới: Thành lập các Trung tâm An toàn Vệ sinh thực phẩm liên quận tiến tới thành lập 24 Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Chi Cục An toàn Vệ sinh thực phẩm Thành phố (Sở Y tế).

Các Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện do Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho các Trạm Y tế phường - xã, thị trấn. Trạm Y tế là đơn vị độc lập (có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng) trực thuộc Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện.

Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, hoạt động giám sát, kiểm soát dịch bệnh. Nâng chất lượng của hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm; Đẩy mạnh hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, giáo dục an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng, trong nhân dân thông qua hệ thống truyền thông của ngành y tế, mạng lưới các Hội, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương; tăng cường vai trò của Trạm Y tế.

Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất của các đơn vị thuộc hệ dự phòng Thành phố, các Trung tâm thuộc hệ dự phòng quận - huyện để đạt chuẩn thiết kế hoàn chỉnh. Đến 2015, tập trung đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành dự án Trung tâm Xét nghiệm Y khoa; xây dựng mới Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố tại Quận 8; Xây dựng và sửa chữa cải tạo các Trung tâm thuộc khối dự phòng Thành phố; Sửa chữa, xây dựng mới các Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện đã xuống cấp và không đạt chuẩn.

Tiến hành xây dựng mới các Trạm Y tế xã - phường, thị trấn đã hư hỏng, xuống cấp trầm trọng; Sửa chữa, nâng cấp các Trạm Y tế để đến 2015, tất cả 322 Trạm Y tế xã - phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, đảm bảo hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Bổ trí cơ cấu cán bộ phù hợp nhiệm vụ của Trạm Y tế; bổ sung dược sĩ, bác sĩ gia đình, bác sĩ y học dự phòng và cán bộ phòng chống dịch. Chú trọng nâng cao chất lượng cán bộ y tế dự phòng/y tế học đường qua tập huấn, đào tạo lại, đào tạo nâng cao...

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Đến năm 2020, các Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện, Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm, các Trung tâm không giường bệnh thuộc hệ dự phòng Thành phố đã được nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh, đáp ứng tốt với yêu cầu của hoạt động y tế công cộng. Các Trạm Y tế đều có cơ sở vật chất khang trang, đạt chuẩn quốc gia, trang thiết bị và nhân lực hoàn chỉnh, đáp ứng tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Lĩnh vực khám chữa bệnh, phục hồi chức năng:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Tổ chức - mạng lưới: Mạng lưới khám chữa bệnh được triển khai theo hệ thống các chuyên khoa và tổ chức từ tuyến bệnh viện Thành phố đến bệnh viện quận - huyện theo chương trình gắn kết, hỗ trợ giữa các bệnh viện theo chủ trương của Thành phố. Trạm Y tế xã - phường, thị trấn là đơn vị tuyến cơ sở thực hiện chức năng của một trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu theo mô hình bác sĩ gia đình. Xây dựng các bệnh viện chủ lực ở 4 cửa ngõ Đông, Tây, Nam, Bắc của Thành phố để hình thành các cụm bệnh viện bố trí đủ diện tích đất theo đúng tiêu chuẩn, thiết kế và xây dựng theo tiêu chí hiện đại. Quy hoạch lại tổng mặt bằng các bệnh viện ở trung tâm Thành phố để nâng cấp, sửa chữa theo đúng tiêu chuẩn và đạt tiêu chí bệnh viện chuyên khoa sâu, hiện đại nhưng không tăng quy mô giường bệnh. Phân kỳ theo từng giai đoạn và khuyến khích sử dụng nguồn vốn xã hội hóa để phát triển bệnh viện. Nguồn vốn ngân sách chỉ tập trung vào một số bệnh viện trọng điểm theo danh mục đầu tư được duyệt, còn lại là đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

Tất cả các cơ sở y tế phải đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường (100% rác thải phát sinh phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành, 100% lượng nước thải y tế phát sinh phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi xả thải ra môi trường).

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giải quyết dứt điểm tình trạng quá tải hiện nay. Xây dựng mạng lưới điều trị và hỗ trợ cộng đồng qua các chương trình sức khỏe, chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật từ tuyến trên đến tuyến dưới. Triển khai thực hiện Đề án bệnh viện vệ tinh là gắn thương hiệu của bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới theo Quyết định số 3896/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 18 tháng 7 năm 2013 (hình thành và phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh tại các tỉnh, thành do 6 bệnh viện hạt nhân trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thành lập); chuyển các Bệnh viện quận - huyện trở thành bệnh viện vệ tinh của các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đầu ngành của Thành phố. Các bệnh viện

chuyên khoa sâu được đầu tư kỹ thuật cao, cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, cung ứng dịch vụ y tế cao cấp phục vụ nhân dân Thành phố, nhân dân cả nước và người nước ngoài đến Thành phố. Các bệnh viện, các phòng khám đa khoa kỹ thuật cao ngoài công lập được tiếp tục khuyến khích phát triển, nhất là đầu tư tại các cụm cửa ngõ; phối hợp với bệnh viện công lập để hoạt động chăm sóc sức khỏe, tuân thủ quy định chuyên môn, quy định bảo vệ môi trường. Phần đầu thực hiện đạt kết quả cao nhất Bảo hiểm y tế toàn dân.

Tăng cường hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các nước có nền y học tiên tiến trên thế giới. Hỗ trợ các tỉnh bạn trong chuyển giao kỹ thuật, hợp tác điều trị, trong lĩnh vực dược, dự phòng. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị y tế thuộc Bộ Y tế và các Bộ, ngành đóng trên địa bàn Thành phố. Nghiên cứu thành lập Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Y học, đẩy mạnh chương trình hợp tác quốc tế...

Bổ sung nguồn nhân lực cho các bệnh viện, tổ chức các khóa đào tạo huấn luyện để tăng cường lực lượng đội ngũ bác sĩ có tay nghề cao, có chuyên môn sâu.

Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở ứng dụng bức xạ trong y tế (theo Quyết định số 1958/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong y tế đến năm 2020).

Xây dựng mạng lưới cấp cứu ngoại viện để đến 2015 có các Trạm cấp cứu đặt tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn, Bệnh viện huyện Bình Chánh, Bệnh viện Quận 7, Bệnh viện huyện Cần Giờ bao gồm: cơ sở hoạt động, bộ máy điều hành, trang thiết bị, xe cấp cứu chuyên dụng, nguồn nhân lực. Xây dựng cơ chế phối hợp hoàn chỉnh, nhuần nhuyễn với lực lượng Quân y trong phòng thủ khu vực, dự bị động viên, xử trí các tình huống thảm họa, khủng bố sinh học...

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hoàn chỉnh 5 cụm bệnh viện: gồm 4 cụm bệnh viện cửa ngõ và cụm bệnh viện trung tâm. Đến năm 2020, các bệnh viện có cơ sở vật chất hiện đại, bố trí đều khắp tại cụm trung tâm và các cửa ngõ, tại các cụm dân cư, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân Thành phố và các vùng lân cận.

Đến năm 2020, cán bộ y tế tại các cơ sở đều đáp ứng yêu cầu chuyên môn, có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ cao, đội ngũ cán bộ quản lý y tế đều được đào tạo hoàn chỉnh về quản lý y tế, quản lý bệnh viện.

Hoàn chỉnh mạng lưới cấp cứu ngoại viện của Thành phố, có đủ các trạm cấp cứu tại các bệnh viện quận - huyện, xây dựng các đội cấp cứu đường bộ, đường thủy, đường hàng không.

Đến năm 2025, cán bộ y tế đều có trình độ ngoại ngữ, có khả năng nghiên cứu và thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật cao theo đúng chuyên ngành công tác.

3. Lĩnh vực Y học cổ truyền:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Tổ chức mạng lưới: Thành lập các khoa Đông Y của các bệnh viện đa khoa, chịu sự hướng dẫn chuyên môn của Bệnh viện Y học cổ truyền và Viện Y dược học dân tộc Thành phố, có sự tham gia hỗ trợ của Hội Đông Y, Hội Châm cứu. Các hoạt động Đông y Trạm Y tế xã - phường, thị trấn dưới sự chỉ đạo của phòng y tế quận - huyện và sự hỗ trợ của 2 bệnh viện Y học cổ truyền Thành phố.

Hoạt động chuyên môn: Phát triển mạng lưới điều trị bằng y học cổ truyền thông qua hoạt động chỉ đạo tuyến, đẩy mạnh hoạt động của khoa Đông Y Bệnh viện đa khoa, các Trạm Y tế và mạng lưới hành nghề ngoài công lập.

Xây dựng mới Viện Y dược học dân tộc và nâng cấp, sửa chữa cải tạo Bệnh viện Y học cổ truyền.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Xây dựng mới một bệnh viện y dược học cổ truyền kết hợp y học hiện đại mang tầm vóc một bệnh viện lớn của khu vực Đông Nam Á tại 01 cửa ngõ Thành phố.

Phát triển cây trồng dược liệu, cây thuốc nam tại Thành phố và kết hợp với các tỉnh phía Nam.

Hình thành và phát triển Phố Đông Y tại Quận 5.

Quản lý nhà nước về đông dược: Tất cả các cơ sở sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu phải đạt nguyên tắc “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP-WHO).

Đến năm 2020, cơ sở vật chất của mạng lưới Đông Y đã hoàn chỉnh từ cấp Thành phố (3 bệnh viện hiện đại) đến phường - xã, thị trấn (các Trạm Y tế), các cơ sở kang trang, phục vụ bệnh nhân hiệu quả, có sự phối hợp rất tốt giữa điều trị Đông y và Tây y và đảm bảo nguồn cung ứng cây trồng dược liệu (đông dược) cho mạng lưới khám chữa bệnh đông y.

4. Lĩnh vực Dược:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Quy hoạch Vùng công nghiệp dược: nuôi trồng, trồng trọt và chiết xuất dược; tập trung sản xuất dược trong nước với công nghệ bào chế cao (đặt tại Khu Công nghiệp Tây bắc Thành phố - 50 ha và liên kết với các tỉnh bạn). Sắp xếp các doanh nghiệp sản xuất dược của Thành phố theo định hướng chuyên môn hóa theo cơ cấu sản phẩm chuyên sâu của doanh nghiệp. Quy hoạch các nhà máy sản xuất trang thiết bị và kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, sửa chữa trang thiết bị y tế.

Sắp xếp, tổ chức lại các trung tâm kinh doanh dược phẩm, quy hoạch các chợ sỉ kinh doanh thuốc Thành phố dưới hình thức Trung tâm thương mại dược phẩm (bao gồm cả kinh doanh thuốc y học cổ truyền, thuốc từ dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng...). Xây dựng quy chế quản lý các Trung tâm thương mại theo hướng tập trung quản lý đầu vào của các nguồn hàng (nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và giá cả).

Thành lập Trung tâm kiểm định, kiểm chuẩn trang thiết bị y tế. Thành lập Trung tâm tiếp liệu để cung ứng thuốc thiết yếu.

Củng cố và tăng cường quản lý nhà nước đối với ngành Dược và Trang thiết bị Y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về Dược; tăng cường công tác thanh tra kiểm tra quản lý, phân phối, sử dụng thuốc và quản lý giá thuốc.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hình thành khu công nghiệp chuyên sơ chế, bào chế, sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu với công nghệ và kỹ thuật hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh công tác Dược lâm sàng.

Từng bước tiến đến cung ứng thuốc, vật tư y tế cho các đơn vị y tế công lập và các cơ sở y tế khác có nhu cầu. Thành lập Trung tâm Xúc tiến Thương mại, quảng cáo và tiếp thị Dược phẩm; Thành lập Trung tâm phân phối Dược phẩm theo tiêu chuẩn GSP-GDP.

Xây dựng nhà máy sản xuất trang thiết bị.

5. Đào tạo nguồn nhân lực:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế có ý thức, có tinh thần thái độ phục vụ tận tụy người bệnh, phục vụ cộng đồng; bảo đảm số lượng và chất lượng đào tạo theo

mục tiêu đề ra; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; Thực hiện điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực để khắc phục sự mất cân đối giữa các lĩnh vực.

Tăng quy mô đào tạo của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đối với khối đại học, trung học. Mở thêm mã ngành đào tạo Bác sĩ Gia đình, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ theo chuẩn Châu Âu, đào tạo Dược sĩ đại học và Bác sĩ chuyên ngành Y tế Công cộng, Y học dự phòng. Phát huy năng lực và trình độ đào tạo của các trường đào tạo điều dưỡng tư nhân hiện nay. Quan tâm đào tạo cán bộ y tế cộng đồng.

Phát triển mô hình Viện Trường trong đào tạo và thực hành (Viện Trường Phạm Ngọc Thạch - Bệnh viện Nhân dân 115). Chú trọng đầu tư và phối hợp tốt giữa hướng dẫn thực hành và giảng dạy lý thuyết để đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực. Đề xuất mở rộng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch tại khu vực phía Nam Thành phố (xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh). Chú trọng việc đào tạo cán bộ quản lý y tế (Khoa Quản lý y tế Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch).

Triển khai các phương án xây dựng Viện Trường Củ Chi và các Viện Trường khác theo phương thức xã hội hóa.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hoàn chỉnh cơ sở vật chất của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (cơ sở 2) và cơ sở bệnh viện thực hành.

Hoàn tất xây dựng Viện - Trường Củ Chi và các Viện - Trường khác.

Đến năm 2020, Thành phố đã có đủ nguồn nhân lực cung ứng cho các cơ sở y tế trên địa bàn, có các cơ sở đào tạo chuyên ngành từ trung cấp đến sau đại học (Tiến sĩ y khoa, sau Tiến sĩ).

Đến năm 2025, các cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia đào tạo nhân lực cho các nước có nhu cầu, nguồn nhân lực được đào tạo có tiêu chuẩn quốc tế.

6. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về y tế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Xây dựng hệ thống chính trị của ngành trong sạch vững mạnh, bộ máy quản lý hoạt động hiệu quả. Tăng cường giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế.

Phát triển hạ tầng truyền thông; Xây dựng hệ thống đường truyền riêng kết nối

tất cả cơ sở thuộc ngành y tế Thành phố, đảm bảo an toàn, ổn định, linh động... Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động của bệnh viện, từ hoạt động tiếp nhận, marketing, thu phí viện phí, các hoạt động về hành chính đến hoạt động chuyên môn.

Thực hiện các tiêu chuẩn quản lý chất lượng đối với tất cả các cơ sở y tế.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Đến năm 2020, các thủ tục hành chính phải nhanh, gọn, đúng quy trình, đúng luật định. Thủ tục tiếp nhận bệnh nhân đảm bảo đơn giản, được bệnh nhân hài lòng. Hệ thống chẩn đoán và điều trị từ xa được gắn kết với tất cả các bệnh viện.

Đến năm 2025, các cơ sở y tế đã ứng dụng tốt mạng công nghệ thông tin, triển khai liên kết với quốc tế trong hoạt động phòng chống dịch bệnh, trong điều trị bệnh nhân.

7. Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

a) Giai đoạn đến năm 2015: ổn định quy mô, kiểm soát sự gia tăng dân số; ổn định cơ cấu giới tính, duy trì mức cân bằng giới tính khi sinh

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục thay đổi hành vi. Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Nâng cao chất lượng dân số thông qua các chương trình hoạt động như Tổ chức triển khai thí điểm một số mô hình can thiệp nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần góp phần đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp; Tiếp tục triển khai và mở rộng mô hình các điểm tư vấn về sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân tại Thành phố và cộng đồng dân cư một số quận - huyện có quy mô dân số lớn và nhóm đối tượng ưu tiên trong vận động thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hoàn chỉnh các đơn vị chăm sóc sức khỏe sinh sản và dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình.

Đẩy mạnh nâng cao chất lượng dân số.

8. Tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu

a) Nhu cầu về nguồn nhân lực:

	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
Bác sĩ	14.961	21.984
Dược sĩ	7.181	8.244
Điều dưỡng	24.938	32.976

b) Nhu cầu về đất: đến năm 2020 nhu cầu về đất cần:

- Khu vực Trung tâm: không tăng quỹ đất.
- Khu vực phía Đông: Bổ sung thêm khoảng 56 ha.
- Khu vực phía Tây: Bổ sung thêm khoảng 69 ha.
- Khu vực phía Nam: Bổ sung thêm khoảng 65 ha.
- Khu vực phía Bắc: Bổ sung thêm khoảng 93 ha.

c) Nhu cầu về vốn đầu tư:

- Giai đoạn 2013 - 2015 cần 20.746 tỷ đồng, trong đó:

* Vốn đầu tư các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa Thành phố:

Tổng vốn đầu tư 4.708 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn vay kích cầu.

* Vốn đầu tư các bệnh viện quận - huyện:

Tổng vốn đầu tư: 2.040 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác, theo nhu cầu và tiến độ thực hiện.

* Nguồn vốn đầu tư xây dựng một số bệnh viện mới (gồm bệnh viện Nhi Đồng Thành phố, bệnh viện đa khoa khu vực Thủ Đức, bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi, bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn, bệnh viện Chấn thương chỉnh hình, bệnh viện Ung bướu cơ sở 2...):

+ Tổng mức đầu tư: 12.900 tỷ đồng.

+ Sử dụng nguồn vốn Trung ương (gồm bệnh viện Nhi Đồng Thành phố, bệnh viện Ung bướu cơ sở 2), đầu tư theo hình thức BT hoặc vốn vay kích cầu (Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình) và nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

Đến năm 2015, hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới 5 bệnh viện cửa ngõ theo

thứ tự ưu tiên: Bệnh viện Nhi đồng Thành phố (tại xã Tân Kiên - xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh), Bệnh viện Ung bướu (cơ sở 2 tại Quận 9), Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn.

* Vốn đầu tư các đơn vị thuộc khối dự phòng:

Tổng vốn đầu tư: 1.098 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025: nhu cầu vốn để hoàn tất dự án trọng điểm là 4.200 tỷ đồng, tiếp tục đầu tư để có thêm 1.000 giường bệnh từ các cơ sở công lập và dự kiến 3.000 giường bệnh từ các bệnh viện tư nhân tham gia đầu tư.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về đào tạo nguồn nhân lực:

Xây dựng mô hình kết hợp viện trường giữa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch với Bệnh viện Nhân dân 115 (để phát triển cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, cơ sở thực hành và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi về lý thuyết và thực hành). Nâng cấp Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đủ sức đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế Thành phố và đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn Châu Âu. Tiếp tục phát triển xây dựng bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch ở xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh bằng nguồn ngân sách Nhà nước.

Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo giữa các trường đại học y, được theo hình thức đào tạo hợp đồng theo địa chỉ sử dụng để có đủ số cán bộ theo định biên.

Tăng quy mô đào tạo đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Thành lập khoa Dược, khoa Y học cổ truyền và khoa Y tế công cộng ở Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch để đào tạo Dược sĩ đại học, Bác sĩ Y học cổ truyền và Bác sĩ chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng, tuyển sinh đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt (hiện nay đã đủ điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giảng để đáp ứng chỉ tiêu đề ra).

Khuyến khích các nguồn lực xã hội hóa để đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Mở thêm mã ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp: y học dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số - kế hoạch hóa gia đình để bổ sung đội ngũ cán bộ y tế.

Thực hiện Chương trình đào tạo 300 Thạc sĩ - Tiến sĩ y khoa của Thành phố,

đào tạo phối hợp hai giai đoạn (trong nước và nước ngoài) để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao; nguồn nhân lực theo chuẩn Châu Âu. Các cơ sở y tế, đặc biệt là các bệnh viện hạng I phải có kế hoạch ưu tiên phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy cho sinh viên thực hành, đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo liên tục, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế, nhất là cán bộ quản lý bệnh viện. Xây dựng chương trình đào tạo chuẩn cho cán bộ quản lý bệnh viện, cơ sở y tế (quản lý chất lượng, quản lý kinh tế y tế, quản lý chuyên môn...).

Mời các chuyên gia giỏi, giảng viên có trình độ và kinh nghiệm nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng trường đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao trong phạm vi lĩnh vực của ngành; Ưu tiên các dự án mở trường theo tiêu chuẩn quốc tế.

Lồng ghép nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vào các dự án do nước ngoài tài trợ từ các chương trình, dự án tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

Kiện toàn, củng cố nâng cao năng lực đào tạo cho các cơ sở đào tạo.

Phối hợp với các Hội nghề nghiệp, Hội quần chúng (Hội Y học, Hội Dược học Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Đông Y) để mở các lớp bồi dưỡng chuyên ngành cơ bản và nâng cao cho lực lượng cán bộ y tế.

Phân công cán bộ y tế tốt nghiệp đại học, trung cấp về nhận nhiệm sở tại các đơn vị y tế quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo để đào tạo hỗ trợ cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các Trạm Y tế cơ quan xí nghiệp, y tế trường học, y tế trong các trung tâm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

2. Về nhu cầu sử dụng đất:

Đối với việc tái cấu trúc các bệnh viện cụm trung tâm: không mở rộng thêm diện tích đất. Tái cấu trúc bệnh viện theo hướng hợp khối, phát triển cao tầng để giảm mật độ xây dựng, tạo thêm diện tích giao thông và cây xanh.

Đối với các dự án tại các cụm Bệnh viện cửa ngõ: Bố trí quỹ đất hợp lý theo đúng tiêu chuẩn thiết kế, đảm bảo đủ điều kiện để kết nối giao thông thuận tiện và thiết kế bệnh viện hiện đại. Có đất dự phòng cho nhu cầu phát triển.

Đối với các dự án xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện, các Trạm Y tế: Bố trí quỹ đất đủ để xây dựng thiết kế chuẩn cho Trung tâm Y tế dự phòng, Trạm Y tế xã - phường, thị trấn.

Các dự án đầu tư cơ sở y tế phải được xây dựng theo tiêu chuẩn hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn kiến trúc và đảm bảo về môi trường theo quy định.

3. Về kinh phí đầu tư:

Nguồn Ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách Thành phố, vốn vay ODA, vốn phát hành trái phiếu: đầu tư các bệnh viện cửa ngõ (Bệnh viện Nhi đồng Thành phố, Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2, Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn, Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức).

Nguồn vốn Ngân sách Thành phố: đầu tư hoàn chỉnh hệ thống y tế dự phòng (các Trung tâm y tế dự phòng quận - huyện, các Trạm Y tế phường - xã, thị trấn); xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất các bệnh viện.

Nguồn vốn vay kích cầu: Các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa thực hiện tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Nguồn vốn đầu tư khác như Xây dựng - Chuyển giao (BT), Xây dựng - sử dụng - chuyển giao (BOT), Hợp tác công tư (PPP).

4. Hoạt động xã hội hóa:

Xây dựng các cơ chế chính sách để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia trong các hoạt động khám chữa bệnh, hoạt động cấp cứu ngoại viện, hoạt động dự phòng, hoạt động đào tạo...

Triển khai các mô hình xã hội hóa y tế theo hướng mở rộng với nhiều hình thức đa dạng như: Mô hình Cơ sở cung ứng dịch vụ y tế kỹ thuật cao - phi lợi nhuận hưởng chính sách theo quy định hiện hành về khuyến khích phát triển xã hội hóa y tế (tại đơn vị hoặc thành lập các cơ sở 2); Hoạt động liên doanh - liên kết; Hoạt động xã hội hóa theo hình thức vay vốn; Huy động nguồn lực xã hội, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư y tế (trong lĩnh vực khám chữa bệnh, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong hoạt động y tế công cộng).

Giải pháp huy động sức mạnh của cộng đồng: Phát huy vai trò của các tổ chức hội, đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ, Cựu chiến binh, Chũ thập đồ...), các Hội nghề nghiệp (Hội Y học, Hội Dược, Hội Đông Y, Châm cứu...), Hội quần chúng và các tổ chức từ thiện trong hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn cho cộng đồng

để tăng cường kiến thức y tế, thực hiện những biện pháp phòng bệnh chủ động, khuyến khích cộng đồng phát triển các hình thức tập luyện để nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất. Xây dựng quy chế phối hợp trong các hoạt động chung của ngành y tế.

5. Về cơ chế chính sách:

Từ đầu năm 2014, xây dựng và ban hành chế độ đãi ngộ cán bộ y tế về công tác tại các xã vùng xa, còn khó khăn về các điều kiện sinh hoạt, cán bộ làm công tác y tế dự phòng; về nâng mức phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức công chức tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố và về chính sách đối với cán bộ, viên chức, nhân viên ngành y tế trên địa bàn quận - huyện thuộc Thành phố (áp dụng cho 05 huyện) được điều chỉnh tăng theo tỷ lệ mức tăng lương cơ bản do Nhà nước quy định.

Phát triển cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Hướng đến giao tự chủ toàn phần, toàn diện cho đơn vị trong việc quản lý sử dụng tài sản và quyết định đầu tư.

Kêu gọi đầu tư xã hội hóa: xác định quy hoạch sử dụng đất và xác định các mô hình kêu gọi đầu tư. Xây dựng cơ chế, chính sách để kêu gọi và thu hút đầu tư đối với các dự án bệnh viện ở các cụm cửa ngõ (như giao đất đã được bồi thường giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư để xây dựng bệnh viện theo quy hoạch ngành...).

Xây dựng quy chế phối hợp với các Sở - ngành, quận - huyện, các cơ quan truyền thông trong hoạt động truyền thông sức khỏe, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe. Chú trọng phối hợp với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước để thực hiện đồng bộ hoạt động phòng chống dịch bệnh và nâng chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân.

Mô hình quản lý: Xây dựng cơ chế quản lý, cơ chế phối hợp và các hoạt động hỗ trợ giữa các tuyến điều trị của Thành phố, quận - huyện và cơ sở (Trạm Y tế). Cho phép thí điểm Trạm Y tế được chủ động trong việc tổ chức khám chữa bệnh ban đầu (có con dấu riêng). Thành lập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình quận - huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Triển khai thực hiện tốt các quy định về chuyên môn trong hoạt động y tế.

6. Về tổ chức thực hiện quy hoạch:

Tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và sự quan tâm hỗ trợ của các ngành, các cấp, các đơn vị trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch ngành.

Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch do lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố làm Trưởng ban, lãnh đạo Sở Y tế làm Phó Trưởng ban thường trực và các thành viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành liên quan; Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo gồm các tổ tuyên truyền, tổ triển khai, tổ kiểm tra giám sát, tổ cơ chế chính sách, tổ đánh giá chất lượng nội bộ... Ban Chỉ đạo ban hành quy chế làm việc để điều hành quá trình tổ chức thực hiện, ban hành chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá và khen thưởng việc quy hoạch.

Xây dựng các Chương trình hành động nhằm triển khai hiệu quả các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, xác định các chương trình trọng tâm, trọng điểm (Củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở; Quy hoạch các bệnh viện chuyên sâu ở trung tâm và các bệnh viện nòng cốt tại các cửa ngõ; Hoàn chỉnh mạng lưới cấp cứu ngoại viện của Thành phố; Phát triển ngành Dược và Y dược học cổ truyền; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, giáo dục y đức cho cán bộ ngành y tế; Tăng cường hợp tác quốc tế; Đẩy mạnh công tác truyền thông và giáo dục sức khỏe,...).

Công khai quy hoạch, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện truyền thông và các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Y tế:

Công bố và phổ biến rộng rãi Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trên địa bàn Thành phố trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm theo đúng định hướng quy hoạch.

Xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển mạng lưới cơ sở y tế trên địa bàn. Kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế.

Định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh quy hoạch kịp thời khi không còn phù hợp.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế,

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Khởi công - Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư
			TỔNG		16.750.000
1	Xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố	Huyện Bình Chánh	1.000 giường	2013 - 2015	4.000.000
2	Xây dựng mới Bệnh viện Ung Bướu	Quận 9	1.000 giường	2013 - 2016	4.000.000
3	Xây dựng mới BV Chấn Thương Chỉnh Hình	Huyện Bình Chánh	(500 giường - 25 P. mổ hiện đại)	2013 - 2014	1.000.000
4	Xây dựng nâng cấp BV Đa khoa khu vực Thủ Đức	Quận Thủ Đức	(1.000 giường) - 500 giường giai đoạn 1	2013 - 2015	1.900.000
5	Xây dựng Viện Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch - Cơ sở 2	Huyện Bình Chánh	4.000 sinh viên; BV 1.000 giường	2014 - 2016	1.500.000
6	Xây dựng mới BV Đa khoa khu vực Củ Chi	Huyện Củ Chi	(1.000 giường) - 500 giường giai đoạn 1	2013 - 2015	1.900.000
7	Xây dựng mới BV Đa khoa khu vực huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	(1.000 giường) - 500 giường giai đoạn 1	2013 - 2016	1.800.000
8	Xây dựng mới Trung tâm xét nghiệm Y khoa	Huyện Bình Chánh		2013 - 2014	650.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2**NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN TRUNG TÂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

a) Nâng cấp, mở rộng (không tăng quy mô giường bệnh): 20 dự án

Dvt: triệu đồng

Số TT	Tên dự án, công trình	Chủ Đầu tư	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư
					3.744.000
1	Cải tạo, nâng cấp Viện Tim Thành phố	Viện Tim	Quận 10	Cải tạo nâng cấp	77.000
2	Xây dựng mới phòng khám và điều trị nội tim mạch của Bệnh viện Nhân dân 115	Bệnh viện Nhân Dân 115	Quận 10	5 tầng + tầng hầm và các hạng mục phụ trợ	36.500
3	Xây dựng khu kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản Bệnh viện Từ Dũ	Bệnh viện Từ Dũ	Quận 1	Diện tích sàn xây dựng 11353 m ²	265.000
4	Xây dựng Cải tạo nâng cấp phòng khám của Bệnh viện Từ Dũ	Bệnh viện Từ Dũ	Quận 1	3.000 lượt người/ngày	33.000
5	Cải tạo nâng cấp khu G Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Quận 5	Cải tạo, nâng cấp	15.000
6	Sửa chữa cải tạo Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn	Quận 1	Toàn bệnh viện	10.000
7	Xây dựng khoa phong Bệnh viện Da liễu	Bệnh viện Da Liễu	Quận 3	Thay thế 4 phòng mổ, 20 giường bệnh	30.500
8	Xây dựng Khu khám bệnh và điều trị kỹ thuật cao của Bệnh viện Ung Bướu	Bệnh viện Ung Bướu	Quận Bình Thạnh	120.000 lượt người/năm	250.000

9	Xây dựng mở rộng Bệnh viện Tai Mũi Họng	Bệnh viện Tai Mũi Họng	Quận 3	4229m ² , 2 tầng hầm, 10 tầng	107.000
10	Xây dựng khoa khám bệnh, khoa cấp cứu và điều trị ban ngày của Bệnh viện Nhi Đồng 2	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	Xây dựng mới	150.000
11	Xây dựng trung tâm ghép tạng và khu phẫu thuật kỹ thuật cao của Bệnh viện Nhi Đồng 2	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	12 phòng mổ và các phòng phụ trợ	400.000
12	Xây dựng mới Khoa khám bệnh và Khoa hồi sức chuyên sâu của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Quận 5	Diện tích Khoa khám bệnh 805,2m ² ; khoa HSCS 3,290m ²	200.000
13	Xây dựng mới Trung tâm cấp cứu hồi sức (Khu A) của Bệnh viện Cấp cứu Trưng Vương	Bệnh viện Cấp cứu Trưng Vương	Quận 10	100 giường cấp cứu chuyên sâu	400.000
14	Xây dựng mới khối Ngoại Bệnh viện Nguyễn Trãi	Bệnh viện Nguyễn Trãi	Quận 5	Xây dựng mới 21,485m ²	300.000
15	Xây dựng mới Bệnh viện Hùng Vương (giai đoạn 2)	Bệnh viện Hùng Vương	Quận 5	13,006m ²	400.000
16	Xây dựng khu chẩn đoán kỹ thuật cao của Bệnh viện Nhân Dân 115	Bệnh viện Nhân Dân 115	Quận 10	Xây dựng mới	200.000
17	Cải tạo nâng cấp khối nhà N5-N6 của Bệnh viện Y học Cổ truyền	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Quận 3	280.000/lượt khám ngoại trú và các phòng chức năng	120.000

18	Xây dựng khu điều trị Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Quận Bình Thạnh	57.475m ² sàn	400.000
19	Xây dựng thay thế Khu B-C của Bệnh viện Từ Dũ	Bệnh viện Từ Dũ	Quận 1	Xây thay thế khu B - C	150.000
20	Sửa chữa nâng cấp Bệnh viện Điều dưỡng, phục hồi chức năng và điều trị bệnh nghề nghiệp	Bệnh viện ĐD-PHCN-Điều trị BNN	Quận 8	Xây dựng mới	200.000

b) Đầu tư trang thiết bị:

Ủy ban nhân dân Thành phố đã thông qua chủ trương đầu tư trang thiết bị y tế của các bệnh viện với tổng mức đầu tư: 964 tỷ đồng, triển khai đấu thầu, mua sắm từ năm 2012. Khuyến khích các bệnh viện vay vốn kích cầu và sử dụng vốn sự nghiệp để mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3**NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN QUẬN - HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Các dự án đã có chủ trương đầu tư của các quận - huyện: 10 dự án: Tổng mức đầu tư xây dựng: 1.870 tỷ đồng; đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện quận - huyện: 170 tỷ đồng, diện tích sàn sử dụng tăng thêm, đạt tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện TCVN 365:2007. Đến năm 2015, có thêm 260 giường bệnh và 100.000m² sàn sử dụng ở các bệnh viện quận - huyện, tương đương tăng thêm 1.500 giường.

Các dự án:

Dvt: triệu đồng

Số TT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư
	TỔNG CỘNG			1.870.000
1	Xây dựng phòng khám đa khoa Bình Khánh - An Nghĩa	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Cần Giờ	50 giường	50.000
2	Cải tạo mở rộng bệnh viện huyện Củ Chi (tên cũ là Bệnh viện An Nhơn Tây)	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Củ Chi	300 giường (tăng 150 giường bệnh)	350.000
3	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện Quận 11	Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 11	120 giường (không tăng giường bệnh)	80.000
4	Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện quận Thủ Đức	Ban Quản lý đầu tư XDCT quận Thủ Đức	300 giường (không tăng giường bệnh)	60.000
5	Xây dựng mới Bệnh viện huyện Bình Chánh	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Bình Chánh	300 giường (không tăng giường)	400.000
6	Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện Cần Giờ	Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Cần Giờ	200 giường, khôi phục, diện tích 6ha (tăng 50 giường)	200.000

7	Xây dựng mở rộng Bệnh viện Quận 2	Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 2	Tăng quy mô lên 160 giường (tăng 10 giường)	150.000
8	Cải tạo, mở rộng Bệnh viện Quận 8	Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 8	2.000m ²	120.000
9	Xây dựng Bệnh viện quận Gò Vấp	Ban Quản lý đầu tư XDCT quận Gò Vấp	300 giường	400.000
10	Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Quận 7	Bệnh viện Quận 7	Sửa chữa, nâng cấp	60.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 4
NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ KHỎI Y TẾ DỰ PHÒNG
(KHỎI THÀNH PHỐ)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Dvt: triệu đồng

Số TT	Tên dự án, công trình	Chủ Đầu tư	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư
					275.000
1	Xây dựng và mở rộng Trung tâm Dinh dưỡng	Trung tâm Dinh dưỡng	Quận Phú Nhuận	Xây dựng và mở rộng	80.000
2	Xây dựng Trung tâm Pháp y - Sở Y tế	Trung tâm Pháp Y	Huyện Bình Chánh	Xây dựng mới	45.000
3	Xây dựng mới Trung tâm Y tế Dự phòng	Trung tâm Y tế dự phòng	Quận 8	Khu đất 1ha, sàn xây dựng 8.000m ²	120.000
4	Xây dựng mới Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế	Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế	Quận Phú Nhuận	Xây dựng mới	30.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 5
NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ KHỐI Y TẾ DỰ PHÒNG (KHỐI QUẬN - HUYỆN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng vốn đầu tư
1	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 1	18.00
2	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 2	42.000
3	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 3	6.180
4	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 4	158.000
5	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 5	93.600
6	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 6	-
7	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 7	15.000
8	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 8	92.000
9	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 9	-
10	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 10	30.000
11	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 11	-
12	Trung tâm Y tế dự phòng Quận 12	-
13	Trung tâm Y tế dự phòng quận Bình Thạnh	2.500
14	Trung tâm Y tế dự phòng quận Thủ Đức	45.000
15	Trung tâm Y tế dự phòng quận Tân Bình	-
16	Trung tâm Y tế dự phòng quận Gò Vấp	-
17	Trung tâm Y tế dự phòng quận Tân Phú	25.000
18	Trung tâm Y tế dự phòng quận Phú Nhuận	-
19	Trung tâm Y tế dự phòng quận Bình Tân	15.000
20	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nhà Bè	-
21	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bình Chánh	61.500
22	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hóc Môn	-
23	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Cần Giờ	-
24	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Củ Chi	48.000
Tổng cộng		652.280

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 6**NHU CẦU ĐẦU TƯ TRẠM Y TẾ PHƯỜNG - XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Số TT	Đơn vị	Thống kê số liệu và tình hình thực hiện
1	Quận 1	Tổng số Trạm Y tế: 10 Số trạm đạt chuẩn: 10 Số trạm cần xây dựng mới: 0
2	Quận 2	Tổng số Trạm Y tế: 11 Do quy hoạch Khu đô thị Thủ Thiêm nên 3 Trạm Y tế phường An Lợi Đông, phường An Khánh và phường Thủ Thiêm bị xóa trắng, đồng thời Trạm Y tế phường Bình An sáp nhập với phường Bình Khánh (trở thành Trạm Y tế liên phường) nên tổng số Trạm Y tế hiện nay trên địa bàn Quận 2 là 7 Trạm. Số trạm đạt chuẩn: 6. Số trạm cần xây dựng mới 2 trạm: Bình Khánh, An Phú. Kinh phí đề xuất 12.000.000.000 đồng
3	Quận 3	Tổng số Trạm Y tế: 14. Số trạm đạt chuẩn: 9. Số trạm cần xây dựng mới: 2 - Phường 6: chưa có địa điểm di dời. - Phường 3: đã có chủ trương đầu tư. Kinh phí đề xuất: 7.000.000.000 đồng 03 Trạm Y tế chỉ cần sửa chữa thuộc phường 1, phường 2 và phường 11.
4	Quận 4	Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 11. Số trạm cần xây dựng mới: 4 trạm thuộc phường 6, 8, 15 và 18. Kinh phí đề xuất: 16.000.000.000 đồng

5	Quận 5	Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 10. Số trạm cần xây dựng mới: 0 5 Trạm Y tế không đạt chuẩn về diện tích đã có kế hoạch di dời của quận.
6	Quận 6	Tổng số Trạm Y tế: 14. Số trạm đạt chuẩn: 14. Số trạm cần xây dựng mới: 0
7	Quận 7	Tổng số Trạm Y tế: 10. Số trạm đạt chuẩn: 6. Số trạm cần xây dựng mới: 4 (phường Tân Thuận Đông, Phú Mỹ, Tân Phong và Phú Thuận) Kinh phí đề xuất: 16.000.000.000 đồng
8	Quận 8	Tổng số Trạm Y tế: 16. Số trạm đạt chuẩn: 10. Số trạm cần xây dựng mới: 6 (phường 8, 11, 13, 14, 10 và 12) Kinh phí đề xuất: 24.000.000.000 đồng Còn trạm phường 10, 12 chưa có vị trí đất xây dựng.
9	Quận 9	Tổng số Trạm Y tế: 13. Số Trạm đạt chuẩn: 10. Số Trạm cần xây dựng mới: 1 (phường Tăng Nhơn Phú A) Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng Các Trạm Y tế phường Trường Thạnh và Phước Long B đã có kế hoạch di dời đến địa điểm khác có diện tích đạt chuẩn.
10	Quận 10	Tổng số Trạm Y tế: 15. Số Trạm đạt chuẩn: 11. Số trạm cần xây dựng mới: 2 trạm (phường 13 và 15) 2 trạm đã có kế hoạch di dời đến địa điểm khác có diện tích đạt chuẩn (phường 2 và 7) Kinh phí đề xuất: 6.000.000.000 đồng
11	Quận 11	Tổng số Trạm Y tế: 16. Số trạm đạt chuẩn: 15. Số trạm cần xây dựng mới: 0 Số trạm cần sửa chữa: 1 (phường 7)

12	Quận 12	Tổng số Trạm Y tế: 11. Số trạm đạt chuẩn: 7. Số trạm cần xây dựng mới: 4 (phường An Phú Đông, phường Thạnh Lộc, phường Trung Mỹ Tây và phường Tân Thới Hiệp). Kinh phí đề xuất: 20.000.000.000 đồng
13	Quận Phú Nhuận	Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 14. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (phường 4) Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng
14	Quận Tân Bình	Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 14. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (phường 4) Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng
15	Quận Bình Tân	Tổng số Trạm Y tế: 10. Số trạm đạt chuẩn: 10.
16	Quận Gò Vấp	Tổng số Trạm Y tế: 16. Số Trạm đạt chuẩn: 15. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (phường 12). Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng
17	Quận Tân Phú	Tổng số Trạm Y tế: 11. Số trạm đạt chuẩn: 11. Số trạm cần xây dựng mới: 0
18	Quận Thủ Đức	Tổng số Trạm Y tế: 12. Số trạm đạt chuẩn: 12. Số trạm cần xây dựng mới: 0
19	Quận Bình Thạnh	Tổng số Trạm Y tế: 20. Số trạm đạt chuẩn: 16. Số trạm cần xây dựng mới: 4. Kinh phí đề xuất: 16.000.000.000 đồng
20	Huyện Cần Giờ	Tổng số Trạm Y tế: 7. Số trạm đạt chuẩn: 4. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (xã Long Hòa). 3 Trạm Y tế Thị trấn Cần Thạnh, xã Bình Khánh và xã Thạnh An chỉ cần sửa chữa. Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng

21	Huyện Củ Chi	Tổng số Trạm Y tế: 21. Số trạm đạt chuẩn: 21. Số trạm cần xây dựng mới: 0.
22	Huyện Nhà Bè	Tổng số Trạm Y tế: 7. Số trạm đạt chuẩn: 5. Số trạm cần xây dựng mới: 2 thuộc xã Hiệp Phước và Phước Lộc. Kinh phí đề xuất: 8.000.000.000 đồng
23	Huyện Hóc Môn	Tổng số Trạm Y tế: 12. Số trạm đạt chuẩn: 12. Số trạm cần xây dựng mới: 0
24	Huyện Bình Chánh	Tổng số Trạm Y tế: 16. Số trạm đạt chuẩn: 9. Số trạm cần xây dựng mới: 7. Trong đó có 1 trạm chưa có vị trí đất xây dựng: xã Hưng Long. Kinh phí đề xuất: 28.000.000.000 đồng

Mạng lưới Trạm Y tế cơ sở của 24 quận - huyện: 322 Trạm Y tế.

Tổng số trạm bị xóa trắng (do quy hoạch Khu đô thị Thủ Thiêm): 3 Trạm Y tế.

Các Trạm Y tế đạt chuẩn về cơ sở vật chất: 261 Trạm Y tế.

Các Trạm Y tế chưa đạt chuẩn cần xây dựng mới: 42 Trạm Y tế.

Dự kiến tổng kinh phí đề xuất xây dựng mới cho 42 Trạm Y tế: **173 tỷ đồng**.

Nguồn vốn: Từ vốn ngân sách phân cấp cho các quận - huyện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1869/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 179/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính;

Căn cứ Thông tư số 43/2011/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ công văn số 872/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai;

Căn cứ Quyết định số 6233/QĐ-UBND ngày 7 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mô hình hệ thống thông tin đất đai - xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5852/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 6/TTr-STTTT ngày 28 tháng 3 năm 2014 về phê duyệt chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường

Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020

*(Ban hành kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU

Ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho tác nghiệp chuyên môn là công việc mang tính chiến lược, là yêu cầu bức thiết của ngành tài nguyên và môi trường, đồng thời tạo nền tảng ban đầu cho các ngành khác phát triển các ứng dụng trên nền bản đồ. Đến nay, phần lớn các quy trình thủ tục hành chính của ngành tài nguyên môi trường đã ứng dụng công nghệ thông tin với mức độ dịch vụ công cấp 3. Đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các quận - huyện. Hệ thống thông tin đất đai được phê duyệt, công tác kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện thông qua phần mềm. Hồ sơ đất đai, hệ thống bản đồ trên giấy được chuyển đổi sang dạng số.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay trong ngành còn chưa được đồng bộ; các giải pháp và hệ thống thông tin đưa vào quản lý vẫn rời rạc, phân tán và chưa được quản lý tập trung và chưa có hệ thống thông tin tổng thể tích hợp toàn thành phố, chưa cập nhật đầy đủ thông tin biến động; mới đầu tư xây dựng một số phần mềm về quản lý đất đai, quản lý môi trường, quản lý trạm cân, chất thải... đang vận hành cục bộ tại từng đơn vị, hệ thống hạ tầng phần cứng và phần mềm chưa được đầu tư đủ cho nhu cầu quản lý.

Với nhu cầu nâng cao hiệu quả quản lý trong lĩnh vực ngành cần có chương trình tổng thể xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường thành phố.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hiện đại hóa công tác quản lý ngành tài nguyên và môi trường nhằm xây dựng

một hệ thống thông tin quản lý trên nền thông tin địa lý có tích hợp các lĩnh vực tài nguyên và môi trường; hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý, điều hành của các cấp chính quyền nói chung; Sở Tài nguyên và Môi trường nói riêng một cách hiệu quả và đồng bộ. Nâng cao năng lực cán bộ của ngành tài nguyên và môi trường, các đơn vị liên quan trong việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý phục vụ công tác quản lý, kết nối thông tin đa ngành; tăng cường khả năng cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp.

Số hóa tài liệu ngành tài nguyên và môi trường; tích hợp hệ thống thông tin các dự án thành phần thuộc đề án Hệ thống thông tin quản lý đô thị (đất đai - xây dựng, quy hoạch, môi trường, biến đổi khí hậu, giao thông vận tải, hạ tầng ngầm) phục vụ chương trình phát triển đô thị của thành phố.

Tạo lập cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường tập trung toàn thành phố gắn liền với hệ thống thông tin địa lý, đảm bảo sự thông suốt trong tích hợp, liên kết, chia sẻ và cung cấp thông tin trực tuyến.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Lĩnh vực quản lý nhà nước

- Xây dựng giải pháp tổng thể thống nhất về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; thông tin tài nguyên và môi trường được sử dụng vào định hướng quản lý và phát triển đô thị, kinh tế, xã hội và được chia sẻ giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; giúp thủ tục luân chuyển, điều hành, xử lý hồ sơ được minh bạch và đơn giản hóa; thông tin hồ sơ quản lý lưu trữ trên giấy được chuyển đổi sang hồ sơ điện tử và tiến tới pháp lý hóa các hồ sơ điện tử này tại các cơ sở dữ liệu phân tán thuộc các cấp quản lý;

- Tăng cường hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố. Ứng dụng công nghệ thông tin cho các mục đích quản lý đất, nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc bản đồ; quản lý các vấn đề về biển, đảo và cung cấp thông tin tài nguyên và môi trường để phát triển đô thị;

- Tất cả phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đều được trang bị hệ thống mạng nội bộ, mạng MetroNet, đường truyền số liệu chuyên dùng và các thiết bị phục vụ cho việc kết nối với hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường thành phố;

- Tất cả phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; các phòng

chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện đều được triển khai và sử dụng các hệ thống thông tin thành phần về tài nguyên và môi trường trong công việc quản lý hàng ngày;

- Ban hành các quy chế và quy định làm cơ sở pháp lý cho việc vận hành và khai thác thông tin trong Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường thành phố;

- Hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường thành phố được quản lý, tích hợp, chia sẻ và thường xuyên cập nhật thông tin thông qua hệ thống thông tin quản lý đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công khai minh bạch thông tin tài nguyên và môi trường theo đúng quy định của pháp luật...

b) Tạo lập, kết nối, liên thông, chia sẻ và khai thác thông tin

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý với cơ sở dữ liệu thống nhất tích hợp, bao gồm dữ liệu của các lĩnh vực gồm:

+ Hệ thống GIS (Hạ tầng) thông tin địa lý Thành phố Hồ Chí Minh: bao gồm bản đồ nền địa hình đa tỷ lệ với siêu dữ liệu đặc tả đi kèm (Metadata);

+ Thông tin tài nguyên đất;

+ Thông tin tài nguyên nước;

+ Thông tin tài nguyên khoáng sản;

+ Thông tin môi trường;

+ Thông tin khí tượng thủy văn;

+ Thông tin đo đạc và bản đồ;

- Các hệ thống thông tin quản lý ứng dụng nền tảng công nghệ hiện đại cung cấp các chức năng cơ bản cập nhật, quản lý, phân tích, thống kê, báo cáo và phân phối dữ liệu và thông tin tài nguyên và môi trường. Hệ thống thông tin hoạt động với nhiều kết nối mạng bao gồm mạng nội bộ, mạng cấp thành phố (Metronet) và mạng diện rộng (Internet), phục vụ các đối tượng:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Các Sở, Ban, ngành có liên quan;

+ Các nhu cầu nghiên cứu khoa học;

+ Cung cấp thông tin cộng đồng...;

- Cung cấp kênh thông tin đa phương tiện, tương tác có hệ thống để đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin về định hướng quy hoạch, tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức trong quá trình xây dựng phát triển đô thị và người dân trong nhu cầu phát triển nhà ở, ổn định cuộc sống;

- Cung cấp công cụ để giao tiếp tạo mối liên kết chặt chẽ và chia sẻ thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân. Là công cụ hiệu quả ban hành, phổ biến và trưng cầu lấy ý kiến về tài nguyên và môi trường trong quản lý và phát triển thành phố;

- Thống nhất cổng thông tin kết nối, liên thông, chia sẻ và khai thác thông tin đa ngành, đa lĩnh vực; tích hợp thông tin liên ngành với Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như với các tỉnh thành lân cận.

c) Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường

- Xây dựng và đầu tư Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên Môi trường với đầy đủ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường. Đây là chủ trương của Chính phủ nhằm bảo đảm khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nên cần sớm thành lập trung tâm theo hướng dẫn chức năng nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 07/2011/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30 tháng 01 năm 2011.

- Xây dựng các quy chế và quy định làm cơ sở pháp lý cho việc vận hành và khai thác, cung cấp thông tin của hệ thống.

- Xây dựng quy định sử dụng kết quả từ Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường để phục vụ công tác quản lý nhà nước về kiểm tra, giám sát và xử phạt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ các cán bộ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường;

- Đào tạo cán bộ duy trì, phát triển và vận hành hệ thống.

3. Hiệu quả đạt được của chương trình

Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi

trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020 khi hoàn thành sẽ nâng cao hiệu quả trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước ngành tài nguyên và môi trường thành phố:

- *Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ, khoa học, chính xác về đất đai, nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc bản đồ; quản lý các vấn đề về biển và đảo và cung cấp thông tin tài nguyên môi trường... là một trong những nền tảng quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển và hỗ trợ ra quyết định trong ngành tài nguyên và môi trường;*

- *Thực hiện cải cách hành chính thông qua việc tăng cường cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước có liên quan, rút ngắn thủ tục xác minh thông tin và góp phần công khai minh bạch quy trình thủ tục hành chính trong ngành. Quy chế quản lý dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường ra đời là khung pháp lý, thiết lập và liên thông dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường hiện nay còn phân tán, thiếu đồng bộ;*

- *Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ thao tác nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, về đo đạc và bản đồ, quản lý các vấn đề về biển và đảo cũng như thiết lập hệ thống thông tin chuyên ngành một cách khoa học, đầy đủ, có tính kết nối, liên thông dữ liệu của các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan; hỗ trợ và là công cụ pháp lý để kiểm tra, giám sát và xác định hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường thông qua các thông tin, hình ảnh trực tuyến;*

- *Nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác báo cáo, thống kê thông qua hệ thống mạng thông tin trực tuyến, tiến đến tự động hóa quy trình thủ tục hành chính qua mạng như xác nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xác nhận giao dịch đảm bảo quyền sử dụng đất, giao thuê quyền sử dụng đất, cấp phép khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản, nước ngầm và dịch vụ khai thác biển đảo...*

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Việc phân chia các hợp phần trong chương trình được thiết lập trên cơ sở yếu tố lĩnh vực chuyên môn phân cấp quản lý, đặc tính nguồn dữ liệu và mối liên kết giữa các đơn vị quản lý dữ liệu.

- Yêu cầu về nội dung thực hiện:

+ Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

+ Rà soát, tổng hợp nguồn dữ liệu đầu vào và đầu ra ngành tài nguyên môi trường ở các cấp; cập nhật, bổ sung các dữ liệu còn thiếu so với nhu cầu cơ sở dữ liệu cần quản lý, xác định các yêu cầu cụ thể về nhu cầu quản lý dữ liệu các lĩnh vực đề phối hợp các Sở - Ban - ngành và Quận - Huyện xây dựng tiêu chí thống kê hệ thống dữ liệu chuyên ngành. Trên cơ sở đó, đề xuất xây dựng quy chế quản lý dữ liệu quản lý đô thị thành phố nhằm thiết lập mối quan hệ và trách nhiệm giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở - Ban - ngành và Quận - Huyện trong việc quản lý, cung cấp và khai thác hệ thống dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường;

+ Thực hiện số hóa hệ thống tài liệu chuyên ngành do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, bóc tách số liệu báo cáo, chuyển từ hồ sơ lưu trữ bằng giấy sang dữ liệu số, bao gồm cả dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian theo bộ chuẩn cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường. Với cơ sở dữ liệu đất đai đã được đầu tư xây dựng dự kiến hoàn thành đưa vào vận hành trong năm 2014, đây là hệ thống dữ liệu nền cho việc xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

+ Xây dựng, nâng cấp các phần mềm quản lý dữ liệu, phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác nghiệp vụ các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Mô hình hệ thống thông tin đất đai - xây dựng ban hành theo Quyết định 6233/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố là mô hình khung để nâng cấp hệ thống thông tin đất đai;

+ Nâng cấp và kiện toàn hệ thống công nghệ thông tin tại Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị liên quan đảm bảo hạ tầng vận hành hệ thống theo cả hai mô hình phân tán và tập trung dữ liệu.

- Yêu cầu về phạm vi thực hiện:

+ Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện;

+ Liên kết các Sở - Ban - ngành có liên quan, Quận - Huyện, cơ quan quản lý nhà nước có nhu cầu liên kết quản lý và khai thác dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường;

+ Kết nối các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý tài nguyên và môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch -

kiến trúc, Cục Thuế thành phố, Kho bạc nhà nước thành phố...); cơ quan công chứng (Phòng công chứng, Văn phòng công chứng tư) công chứng giao dịch nhà đất; Ủy ban nhân dân phường - xã xác định nguồn gốc đối tượng sở hữu và loại hình sử dụng đất nhằm hỗ trợ công tác tính thuế, cấp chủ quyền nhà đất; doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (chủ đầu tư dự án, sàn giao dịch bất động sản); các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tra cứu thông tin.

Nội dung chương trình gồm các hợp phần sau:

1. Xây dựng kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên môi trường và hệ thống thông tin quản lý đô thị

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin cho ngành tài nguyên và môi trường: kiến trúc công nghệ thông tin, các chuẩn kết nối và tiêu chí cho việc liên thông kết nối và tích hợp;

- Trên cơ sở một hệ thống phân cấp nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của từng cấp đơn vị quản lý, xây dựng giải pháp tổng thể thống nhất về quản lý ngành tài nguyên môi trường; thông tin hồ sơ nhà đất gắn liền với định hướng quy hoạch, hồ sơ hạ tầng kỹ thuật và xây dựng đô thị được chia sẻ giữa các cơ quan chuyên môn quản lý; thông tin môi trường, hệ thống quản lý chất thải, thông tin về biến đổi khí hậu được kiểm soát chặt chẽ và không bị ô nhiễm vào môi trường sống; quy trình ISO điện tử giúp thủ tục luân chuyển điều hành xử lý hồ sơ được minh bạch và đơn giản hóa; thông tin hồ sơ quản lý được pháp lý hóa dưới dạng điện tử thay thế hồ sơ trên giấy tại các cơ sở dữ liệu phân tán thuộc các cấp quản lý;

- Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên môi trường cần được lập, ban hành làm cơ sở đầu tư các dự án thành phần thuộc các hợp phần tiếp theo.

(Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật kết nối cơ sở dữ liệu được mô tả tại Phụ lục II).

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015.

2. Xây dựng quy chế vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường

a) Nội dung thực hiện

Kế thừa Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố, nội dung quy chế mở rộng cho:

- Xây dựng quy chế quản lý, tạo hành lang pháp lý đảm bảo vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường thành phố gồm: các quy trình về kết nối và cung cấp thông tin; tạo lập các quy định về quản lý, khai thác và sử dụng thông tin; quy định hình thức kiểm tra, giám sát và xử phạt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; phân định trách nhiệm và quyền hạn của các thành phần tham gia vào hệ thống, chia sẻ và truyền tải thông tin, truy xuất và kết xuất thông tin.

- Xây dựng quy chế cho từng hệ thống thành phần trong đó xác định cụ thể về nội dung và cách thức chia sẻ để các hệ thống, đơn vị và cá nhân có thể tiếp cận khai thác sử dụng các dữ liệu của hệ thống.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các Sở, ngành khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015.

3. Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường

a) Nội dung thực hiện

Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường thành phố gồm:

- Hoàn chỉnh hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống máy chủ tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; các phòng, ban, đơn vị quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên môi trường tại các quận - huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện) theo mô hình chung của thành phố, đảm bảo khả năng lưu trữ phân tán, xử lý độc lập tại từng đơn vị, đảm bảo thông suốt về kết nối và truyền tải dữ liệu. Trang bị bổ sung thiết bị nối kết mạng, thiết lập băng thông đảm bảo đường truyền tải dữ liệu dung lượng lớn giữa các đơn vị có liên quan;

- Nâng cấp, trang bị mới một số máy trạm tại các đơn vị có liên quan đảm bảo được trang bị đầy đủ hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý và điều hành và đảm bảo cấu hình vận hành hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường;

- Trang bị máy in, máy quét, máy định vị vệ tinh, thiết bị lưu trữ... phục vụ việc số hóa tài liệu bao gồm dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân quận - huyện và Sở, ngành liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015.

4. Xây dựng Trung tâm Công nghệ Thông tin ngành tài nguyên và môi trường

a) Nội dung thực hiện

Xây dựng Trung tâm Công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế theo Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BTNMT-BNV ngày 31 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ.

Xây dựng Trung tâm Công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường gồm các thành phần công nghệ thông tin:

- Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác xử lý, phân tích, truy xuất và lưu trữ thông tin, dữ liệu tập trung;

- Các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường triển khai tập trung.

Các cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường được tích hợp với cơ sở dữ liệu tập trung tại Trung tâm dữ liệu thành phố để chia sẻ thông tin giữa các đơn vị quản lý và với các trung tâm dữ liệu các tỉnh/ thành phố khác.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2016.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin chuyên ngành tài nguyên và môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành cho từng lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường, kết nối hình thành các hệ thống thông tin chuyên ngành:

- Hệ thống thông tin quản lý tài nguyên đất đai;
- Hệ thống thông tin nền địa lý toàn thành phố;
- Hệ thống thông tin về tài nguyên nước;
- Hệ thống thông tin về tài nguyên khoáng sản;
- Hệ thống thông tin về môi trường;
- Hệ thống thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;
- Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ;
- Hệ thống thông tin về quản lý biển và đảo.

Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường tích hợp và liên thông với các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc Hệ thống thông tin quản lý đô thị trên nền hệ thống thông tin địa lý GIS như:

- Hệ thống thông tin quy hoạch;
- Hệ thống thông tin xây dựng phát triển đô thị;
- Hệ thống thông tin hạ tầng đô thị;
- Hệ thống thông tin quản lý giao dịch bất động sản.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường cần thực hiện với các hạng mục sau đây để có đội ngũ công nghệ thông tin và cán bộ chuyên môn đủ trình độ làm chủ công nghệ đủ điều kiện vận hành các dự án được đầu tư:

- Hạng mục phục vụ việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường;
- Hạng mục đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chuyên sâu về công nghệ thông tin;
- Hạng mục đào tạo ứng dụng chuyên sâu công nghệ GIS trong quản lý ngành tài nguyên và môi trường.

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý toàn thành phố trên nền bản đồ địa hình gắn với siêu dữ liệu đặc tả và bản đồ địa chính trở thành cơ sở dữ liệu GIS hạ tầng thông tin địa lý Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở dữ liệu nền xây dựng và tích hợp các lớp dữ liệu tài nguyên môi trường và kết nối với các nguồn dữ liệu không gian địa lý chuyên ngành khác, dữ liệu ảnh viễn thám đa mục tiêu, dữ liệu lidar...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý cho Hệ thống thông tin quản lý tài nguyên đất đai, bao gồm:

+ Hệ thống quản lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất;

+ Hệ thống giao, thuê quyền sử dụng đất;

+ Hệ thống ghi nhận biến động quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất;

+ Hệ thống giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất;

+ Hệ thống quản lý bộ hồ sơ địa chính điện tử;

+ Hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

+ Hệ thống thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng tình hình sử dụng đất;

+ Hệ thống giá đất và thuế nhà đất.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục I của Phụ lục III).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý cho Hệ thống thông tin về tài nguyên nước, bao gồm:

+ Hệ thống quản lý và lập quy hoạch kế hoạch sử dụng tài nguyên nước;

+ Hệ thống quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

+ Hệ thống thủ tục cấp phép giấy phép thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục II của Phụ lục III).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý cho Hệ thống thông tin về tài nguyên khoáng sản, bao gồm:

+ Hệ thống quy hoạch điều tra địa chất khoáng sản;

+ Hệ thống quản lý tài nguyên khoáng sản;

+ Hệ thống thủ tục cấp giấy phép hoạt động khai thác tài nguyên và khoáng sản.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục III của Phụ lục III).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý cho Hệ thống thông tin về môi trường, bao gồm:

+ Hệ thống quản lý thông tin về môi trường;

+ Hệ thống quan trắc môi trường;

+ Hệ thống quản lý và xử lý chất thải;

+ Hệ thống thủ tục cấp giấy phép quản lý chất thải, phế liệu;

+ Hệ thống quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục IV của Phụ lục III).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý cho Hệ thống thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, bao gồm:

+ Hệ thống quản lý khí tượng thủy văn và tác động biến đổi khí hậu đối với các yếu tố tự nhiên, con người và kinh tế - xã hội;

+ Hệ thống thủ tục cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn;

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục V của Phụ lục III).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về dữ liệu đo đạc và bản đồ gắn với nền hạ tầng thông tin địa lý thống nhất toàn thành phố. Hệ thống gồm có các thành phần:

+ Các phần mềm tác nghiệp biên tập, xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ;

+ Cơ sở dữ liệu về đo đạc, bản đồ và không gian toàn thành phố.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục VI của Phụ lục III).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý cho Hệ thống thông tin về quản lý biển và đảo:

+ Hệ thống quy hoạch khai thác, phát triển tài nguyên các vùng biển, ven biển và đảo;

+ Hệ thống quản lý thực trạng khai thác và cấp phép sử dụng tài nguyên biển, hải đảo;

+ Hệ thống quản lý ô nhiễm, suy thoái môi trường biển và hải đảo.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Mục VII của Phụ lục III).

- Xây dựng hệ thống thông tin thành phần theo chức năng phân cấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện.

Hệ thống thông tin chuyên ngành tài nguyên và môi trường tại quận - huyện bao gồm các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin như nêu trên được phân cấp thực hiện tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận - huyện trên địa bàn thành phố.

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2020.

6. Xây dựng dịch vụ tích hợp, cung cấp thông tin tài nguyên và môi trường trực tuyến

a) Nội dung thực hiện

- Môi trường dịch vụ nền GIS lĩnh vực tài nguyên và môi trường toàn thành phố:

Chuẩn hóa công cụ và môi trường biên tập xử lý dữ liệu không gian địa lý GIS thống nhất sử dụng trong các phần mềm lõi của hệ thống thông tin đất đai - xây dựng và các phần mềm quản lý nghiệp vụ chuyên ngành, phần mềm hỗ trợ phân tích và tạo lập mô hình GIS 3D.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Điểm 1, Mục VIII của Phụ lục III).

- Hệ thống phân tích và tổng hợp thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường

Phân tích và tổng hợp thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường trên trung tâm dữ liệu được tích hợp từ 24 cơ sở dữ liệu của quận - huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường. Phân tích, tổng hợp thông tin lập cáo báo, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định.

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Điểm 2, Mục VIII của Phụ lục III).

- Cổng dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin

Công dịch vụ tích hợp thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường từ các hệ thống thông tin thành phần tại Sở, ngành, quận - huyện gồm hệ thống thông tin đất đai - xây dựng, hệ thống thông tin quy hoạch, hệ thống thông tin môi trường, hệ thống thông tin biến đổi khí hậu, hệ thống thông tin giao thông vận tải để hình thành các bộ dữ liệu đất đai và quy hoạch phục vụ công tác nghiên cứu phát triển đô thị.

Công tích hợp thông tin với công thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Cơ sở dữ liệu tích hợp tập trung ngành tài nguyên và môi trường được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hợp phần Công dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin qua các điểm truy cập:

- + Website tra cứu (dữ liệu thuộc tính, không gian và metadata).
- + Kiosk thông tin.
- + Dịch vụ trên nền di động và SMS.
- + Tổng đài trả lời (Call Center).

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Điểm 3, Mục VIII của Phụ lục III).

- Hệ thống quản lý ngành tài nguyên và môi trường cấp xã - phường: cung cấp hệ thống tra cứu cho cán bộ địa chính cấp phường xã quản lý và xác nhận nguồn gốc, tình hình sử dụng đất, tình hình khai thác sử dụng tài nguyên và môi trường...

(Nội dung chi tiết được mô tả tại Điểm 4, Mục VIII của Phụ lục III).

b) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2016.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020.

2. Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chủ trì tổ chức triển khai và thực hiện chương trình;

- Tổ chức cung cấp thông tin, dự báo, theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình; Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ 6 tháng và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để thúc đẩy thực hiện Chương trình;

- Tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu, bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020 theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Các Sở - Ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 1
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

(Đính kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Nội dung	Thời gian	Mô tả	Chủ trì	Phối hợp
1	Xây dựng kiến trúc tổng thể ngành tài nguyên môi trường và hệ thống thông tin quản lý đô thị	2014 - 2015	Mô hình kiến trúc tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường với đầy đủ các dự án hệ thống thông tin thành phần và khai thác, kết nối với các hệ thống thông tin về đất đai - xây dựng; Hạ tầng ngầm (viễn thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng...); quy hoạch, môi trường, giao thông vận tải... trong đề án hệ thống thông tin Quản lý đô thị theo Quyết định 5852/QĐ-UBND về phê duyệt “Chương trình xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Xây dựng quy chế vận hành và khai thác Hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường thành phố	2014 - 2015	Quy định rõ vai trò, nhiệm vụ và các bước thực hiện của từng đơn vị tham gia về: - Mức độ quản lý, khai thác, cập nhật thông tin. - Xây dựng tiêu chí, biểu mẫu thống kê và lưu trữ dữ liệu. - Ban hành quy chế quản lý dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, ủy ban nhân dân các quận, huyện và các Sở, Ban, ngành khác có liên quan

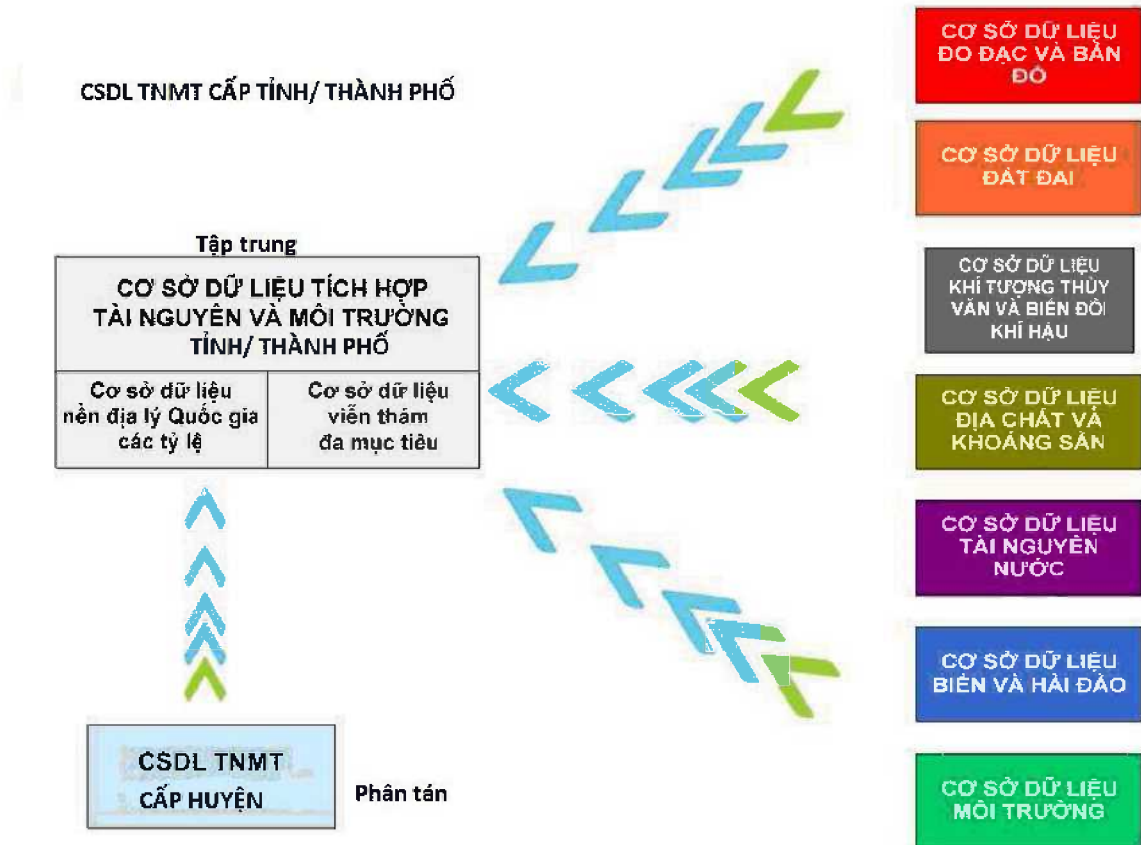
3	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường	2014 - 2015	Đảm bảo hạ tầng máy chủ, máy trạm, thiết bị ngoại vi và hệ thống mạng vận hành các hệ thống thông tin, liên thông giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân quận - huyện và với các sở, ban, ngành liên quan.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, ủy ban nhân dân quận - huyện và Sở, Ban, ngành liên quan
4	Xây dựng Trung tâm Công nghệ Thông tin ngành tài nguyên và môi trường	2014 - 2016	Xây dựng Trung tâm Công nghệ Thông tin ngành tài nguyên và môi trường tập trung tại Sở Tài nguyên và Môi trường và kết nối thông tin với các chuyên ngành qua cổng thông tin tại trung tâm dữ liệu toàn thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin chuyên ngành tài nguyên và môi trường	2014 - 2020	Xây dựng các kho cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường song song vận hành các hệ thống thông tin chuyên ngành liên quan đảm bảo tính đồng bộ của toàn đề án.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở - Thông tin và Truyền thông, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, ủy ban nhân dân 24 quận - huyện
5.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý cho các Hệ thống thông tin quản lý tài nguyên đất đai	2014	Triển khai đồng bộ tại Sở Tài nguyên và Môi trường và các quận - huyện. Kết nối, tích hợp thông tin với Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Cục Thuế thành phố, Sở Tài chính, Sàn giao dịch bất động sản, Phòng công chứng... Đã triển khai được 50% tổng số hệ thống thành phần tại Sở Tài nguyên và Môi trường và 24 quận/ huyện. Năm 2014 tích hợp 100% cơ sở dữ liệu và hoàn thiện các quy trình thủ tục. Năm 2015 tích hợp tại trung tâm dữ liệu.		

5.2	Xây dựng hệ thống thông tin nền địa lý toàn thành phố	2014 - 2014	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý toàn thành phố trên nền bản đồ địa hình gắn siêu dữ liệu và bản đồ địa chính trở thành cơ sở dữ liệu GIS hạ tầng thông tin địa lý Thành phố Hồ Chí Minh, kết nối với các nguồn dữ liệu không gian địa lý chuyên ngành khác, dữ liệu ảnh viễn thám đa mục tiêu, dữ liệu Lidar...		
5.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý GIS cho Hệ thống thông tin về tài nguyên nước	2015	Chuẩn hóa và xây dựng 100% cơ sở thông tin dữ liệu về tài nguyên nước toàn thành phố. Đưa vào vận hành các hệ thống thông tin quản lý trên nền dữ liệu GIS được số hóa.		
5.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho Hệ thống thông tin về tài nguyên khoáng sản	2015 - 2016	Chuẩn hóa và xây dựng 100% cơ sở thông tin dữ liệu về tài nguyên khoáng sản toàn thành phố. Đưa vào vận hành các hệ thống thông tin quản lý trên nền dữ liệu GIS được số hóa.		
5.5	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho các Hệ thống thông tin về môi trường	2015 - 2016	Chuẩn hóa và xây dựng 100% cơ sở thông tin dữ liệu về chất lượng môi trường của thành phố. Đưa vào vận hành các hệ thống thông tin quản lý trên nền dữ liệu GIS được số hóa.		
5.6	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý GIS cho Hệ thống thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	2015 - 2017	Thiết lập cơ sở dữ liệu ban đầu và các hệ thống thông tin quản lý.		

5.7	Xây dựng cơ sở dữ liệu dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý GIS về dữ liệu đo đạc và bản đồ toàn Thành phố Hồ Chí Minh	2015 - 2019	Thực hiện số hóa và liên kết dữ liệu toàn bộ dữ liệu đo đạc và bản đồ do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý. Thiết lập cổng thông tin, xây dựng phần mềm quản lý kho dữ liệu.		
5.8	Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung trên nền thông tin địa lý GIS cho Hệ thống thông tin về quản lý biển và đảo	2015 - 2016	Triển khai tại Sở Tài nguyên và Môi trường		
5.9	Xây dựng hệ thống thông tin thành phần theo chức năng phân cấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc UBND quận/huyện	2014 - 2015	Xây dựng cơ sở dữ liệu và đưa vào vận hành các hệ thống thông tin thành phần phân cấp quản lý tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND các quận, huyện. Xây dựng hoàn thiện Cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch, hạ tầng,... và tích hợp dữ liệu qua trung tâm dữ liệu tại Sở Tài nguyên và Môi trường và cổng thông tin toàn thành phố.		

Phụ lục II
QUY CHUẨN LIÊN THÔNG KẾT NỐI CƠ SỞ DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
(Đính kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Cơ sở dữ liệu Tài nguyên Môi trường cấp tỉnh/ thành phố



- Cơ sở dữ liệu (CSDL) về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;
- Cơ sở dữ liệu thành phần gồm có cho các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo và các dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường (gọi là cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường);
- Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về tài nguyên và môi trường xây dựng mô hình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật thống nhất, các chính sách khai thác và cập nhật dữ liệu, chuẩn dữ liệu, nội dung dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần theo từng lĩnh vực.
- Cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ: Cơ sở dữ liệu nền địa lý dùng chung cho

toàn bộ dự án là yếu tố quan trọng để các dữ liệu từ các chuyên ngành có thể được tích hợp với nhau. CSDL GIS hạ tầng thông tin địa lý bao gồm cơ sở dữ liệu nền địa lý đa tỷ lệ với siêu dữ liệu đặc tả đi kèm và được tạo lập đảm bảo các yếu tố sau:

+ Cơ sở dữ liệu nền địa lý sử dụng chung cho dự án được thành lập từ các nguồn dữ liệu mới nhất do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý;

+ Tất cả các đơn vị thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu không gian trong dự án bắt buộc phải sử dụng nền địa lý này để xây dựng lớp dữ liệu chuyên đề. Tùy thuộc vào mức độ chi tiết của dữ liệu mà chọn lựa tỷ lệ nền phù hợp;

+ Tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phải phù hợp với tiến độ thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu các lĩnh vực của chương trình;

+ Dữ liệu nền địa lý Thành phố Hồ Chí Minh các tỷ lệ 1:50.000, 1:25.000, 1:2.000... được xây dựng theo tiêu chuẩn do Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi CSDL địa chính toàn thành phố nghiệm thu (dự kiến tháng 6/2014), CSDL địa chính sử dụng kết hợp với CSDL GIS địa hình địa lý toàn thành phố để xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và chia sẻ thông tin cho các cơ quan khai thác trên cổng thông tin địa lý của thành phố.

- Cơ sở dữ liệu viễn thám đa mục tiêu: gồm hệ thống ảnh vệ tinh viễn thám và ảnh độ phân giải cao, cùng với CSDL Lidar được sử dụng quản lý, phân tích và dự báo về môi trường... phục vụ quản lý phát triển đô thị.

II. Khung cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu về đất đai

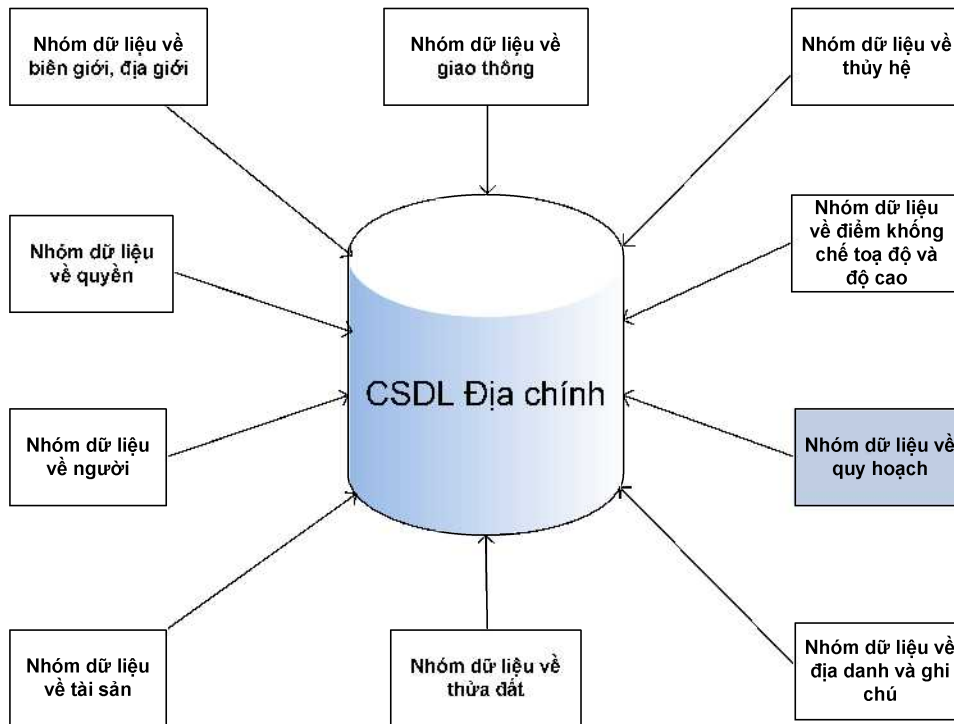
a) Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai; bản đồ phân hạng đất; bản đồ thổ nhưỡng; bản đồ địa giới hành chính; bản đồ hiện trạng sử dụng đất; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận qua các thời kỳ (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất); số liệu điều tra về giá đất; thông tin về thửa đất; sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sổ theo dõi biến động đất đai.

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bản đồ địa chính dạng giấy và dạng file; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất; số lượng các khu đất giao quản lý phát triển quỹ đất; kết quả các khu đất giao đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Chuẩn cơ sở dữ liệu địa chính

Với hiện trạng CSDL đất đai tại cấp Quận Huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường, toàn bộ nhóm thông tin chưa thể hiện đầy đủ theo chuẩn CSDL địa chính ban hành cần thực hiện chuyển đổi và nhập bổ sung các nhóm thông tin thiếu (có thể không có đầy đủ thông tin theo thực tế).



Chuẩn dữ liệu trao đổi giữa 3 cấp xã/phường - huyện/quận - tỉnh/thành phố (Sở Tài nguyên và Môi trường) và tổng hợp báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường theo yêu cầu:

- Dữ liệu xuất và nhập theo dạng lược đồ ứng dụng: GML;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan: ISO 19136:2007;
- Bảng mã ký tự để mã hoá: UTF8.
- Tham chiếu đảm bảo theo quy định Tổng Cục địa chính tại địa chỉ www.gdla.gov.vn/chuantraodoicd.
- Chuẩn trao đổi quy định thông tin trao đổi từ cấp xã/ phường - quận/ huyện - tỉnh/ thành phố và tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường với dữ liệu trích xuất từ các cấp hoặc theo chuyên mục tờ bản đồ, biến động.
- Chuẩn trao đổi dữ liệu giữa các cấp được mô tả gắn liền với siêu dữ liệu đặc tả với các thành phần thông tin.
- Nhóm thông tin mô tả về siêu dữ liệu địa chính;

- Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu địa chính;
- Nhóm thông tin mô tả về chất lượng dữ liệu địa chính;
- Nhóm thông tin mô tả về hệ quy chiếu toạ độ; Nhóm thông tin mô tả về cách thức trao đổi, phân phối dữ liệu địa chính.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất (bao gồm các số liệu về quan trắc tài nguyên nước);
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
- đ) Kết quả cấp phép, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, trả lại các loại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt, nước dưới đất và xả thải vào nguồn nước; dữ liệu về điều tra, trám lấp giếng không sử dụng; dữ liệu về điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất; điều tra đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;
- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản

- a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;
- b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản; dữ liệu địa tầng, địa chất khu vực, vùng định hướng quy hoạch xây dựng;
- c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;
- d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;
- đ) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực dự trữ khoáng sản;
- e) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý Nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hệ số khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường

a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;

b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;

c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường;

d) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

đ) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

e) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

g) Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, các quy hoạch về bảo vệ môi trường;

h) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;

i) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn

a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ôzôn;

b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;

d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hệ thống khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm

a) Hệ quy chiếu Quốc gia;

b) Hệ thống số liệu gốc đo đạc Quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; mốc cao độ theo quy hoạch phục vụ xây dựng công trình;

- c) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;
- d) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;
- đ) Hệ thống thông tin địa lý;
- e) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các Điểm a, b, c, d, đ Khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác;
- g) Hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Dữ liệu tài nguyên môi trường biển và đảo gồm

- a) Dữ liệu về đất có mặt nước biển;
- b) Dữ liệu về địa hình đáy biển;
- c) Dữ liệu về tính chất cơ lý của nước biển;
- d) Dữ liệu về tính chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển;
- đ) Dữ liệu về dầu, khí biển;
- e) Dữ liệu về sinh vật biển;
- g) Dữ liệu về chất lượng môi trường biển;
- h) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;
- i) Dữ liệu về đảo;
- k) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên, môi trường biển.

III. Khung lớp dữ liệu GIS về quản lý đô thị

STT	Nhóm lớp dữ liệu chuyên đề đa tỷ lệ	Lĩnh vực	Ghi chú
1	Bản đồ địa hình đa tỷ lệ và siêu dữ liệu	GIS nền địa lý, cơ sở	Đã thực hiện, cần liên thông, kết nối và tích hợp dữ liệu
2	Ảnh vệ tinh, viễn thám, raster		
3	Mốc giới, mô hình số độ cao DEM, đường đồng mức...		
4	Dân cư		
5	Thực vật		
6	Lidar và mô hình dữ liệu 3D		

7	Bản đồ địa chính các thời kỳ	Tài nguyên đất	Đã thực hiện, cần liên thông, kết nối và tích hợp dữ liệu
8	GIS nền địa chính 2013		
9	Hiện trạng sử dụng đất		
10	Quy hoạch sử dụng đất		
11	Khung Giá đất		
12	Nhà và công trình xây dựng		Thực hiện 2014
13	Quy hoạch tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
14	Khai thác, sử dụng tài nguyên nước		
15	Khu vực cấm khai thác		
16	Nguồn nước ô nhiễm, nước thải...		
17	Quy hoạch tài nguyên khoáng sản	Tài nguyên khoáng sản	
18	Khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản		
19	Khu vực cấm khai thác		
20	Hiện trạng môi trường: vùng ô nhiễm, suy thoái, khu vực có nguy cơ ô nhiễm,...	Môi trường	
21	Quan trắc môi trường		
22	Xử lý chất thải [Hiện trạng phát thải, thu gom, vận chuyển xử lý chất thải...]		
23	Điều kiện tự nhiên: địa chất, khí hậu...	Điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu	
24	Địa chất thủy văn, mực nước		
25	Bản đồ địa chất thổ nhưỡng		
26	Vùng ảnh hưởng biến đổi khí hậu		
27	Hiện trạng úng lụt, triều cường		
28	Biến đổi điều kiện thủy văn		
29	Quy hoạch vùng biển, đảo	Biển, đảo	
30	Vùng khai thác tài nguyên biển, đảo		
31	Vùng cấm khai thác		
32	Vùng ô nhiễm, suy thoái		

33	Đồ án quy hoạch chung	GIS quy hoạch đô thị	Thực hiện 2014
34	Quy hoạch phân khu		
35	Quy hoạch bảo tồn		Các kho dữ liệu chuyên ngành cần liên thông kết nối thực hiện từ 2014 - 2016 Sở TNMT và UBND quận/ huyện quản lý và cập nhật điều chỉnh quy hoạch
36	Quy hoạch sử dụng đất		
37	Quy hoạch nhà cao tầng		
38	Quy hoạch cảnh quan		
39	Quy hoạch chi tiết xây dựng		
40	Quy hoạch phân lô đất		
41	Quy hoạch mảng xanh		
42	Quy hoạch tầng cao		
43	Quy hoạch cây xanh		
44	Quy hoạch hạ tầng viễn thông		
45	Quy hoạch cấp nước		
46	Quy hoạch thoát nước		
47	Quy hoạch hệ thống điện		
48	Quy hoạch phòng cháy chữa cháy		
49	Quy hoạch chiếu sáng		
50	Quy hoạch xử lý chất thải		
51	Quy hoạch đỗ xe		
52	Quy hoạch giao thông		
53	Quy hoạch tuyến giao thông và kết nối giao thông		
54	Quy hoạch công trình giao thông		
55	Chỉ tiêu quy hoạch xây dựng hạ tầng đô thị		
56	Quy hoạch khu vực thương mại, tuyến phố kinh doanh		
57	Quy định xây dựng do UBND quận/ huyện ban hành		
58	...		

59	Địa chất công trình	GIS hạ tầng đô thị	Thực hiện 2014	
60	Khoảng lùi xây dựng			
61	Ranh cấp phép xây dựng nhà, công trình			
62	Cốt nền xây dựng			
63	Hiện trạng tầng cao			
64	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cấp nước			Các kho dữ liệu chuyên ngành cần liên thông kết nối thực hiện từ 2014 - 2016 Sở TNMT và UBND quận/huyện quản lý và cập nhật tình hình thực hiện dự án đầu tư
65	Hiện trạng hạ tầng hệ thống thoát nước			
66	Hiện trạng úng lụt, triều cường			
67	Hiện trạng hạ tầng hệ thống điện			
68	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cáp viễn thông			
69	Hiện trạng hạ tầng hệ thống thu phát sóng BTS			
70	Hiện trạng hạ tầng hệ thống đại lý Internet			
71	Hiện trạng hạ tầng hệ thống Bưu cục, bưu điện, hòm thư			
72	Hiện trạng hạ tầng đường giao thông			
73	Hiện trạng hạ tầng các công trình giao thông			
74	Hiện trạng hạ tầng sự cố giao thông			
75	Hiện trạng hạ tầng công trình PCCC			
76	Hiện trạng hạ tầng hệ thống chiếu sáng			
77	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cây xanh			
78	Hiện trạng hạ tầng hệ thống công viên, mảng xanh đô thị			
79	Hiện trạng hạ tầng hệ thống xử lý chất thải			
80	Hiện trạng hạ tầng hệ thống cống			
81	Hiện trạng hạ tầng tuyến phố kinh doanh			
82	...			

83	Ký hiệu	GIS nhà ở và công trình xây dựng	2014 - 2015
84	Nhà ở và công trình xây dựng		
85	Công trình xây dựng cao tầng		
86	Công trình ngầm		
87	Nhà sở hữu nhà nước		
88	Nhà ở tái định cư		
89	Nhà ở xã hội		
90	Quy hoạch vật liệu xây dựng	Sản xuất VLXD	2015
91	Sản xuất vật liệu xây dựng		
92	GIS chi tiêu xây dựng phát triển đô thị	GIS quản lý xây dựng và phát triển đô thị	2015 - 2016
93	Quy hoạch số nhà		
94	Địa chỉ số nhà		
95	Vùng đồ phé thải xây dựng		
96	Chất lượng công trình xây dựng		
97	Thanh tra xây dựng		
98	Giao dịch bất động sản		
99	Nhà đất ngăn chặn, khiếu kiện	GIS điều kiện pháp lý	2014
100	Các lớp GIS chuyên ngành khác	Kết nối dữ liệu với các CSDL và hệ thống thông tin chuyên ngành khác	2015 - 2016

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH
TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

(Đính kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
I. Hệ thống thông tin nền địa lý toàn Thành phố Hồ Chí Minh							
1	Xây dựng GIS (hạ tầng) thông tin nền địa lý từ bản đồ nền địa hình các tỷ lệ 1:50.000, 1:25.000, 1:2.000... với siêu dữ liệu và CSDL địa chính.	CSDL GIS địa hình địa lý toàn thành phố để xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và chia sẻ thông tin cho các cơ quan khai thác trên cổng thông tin địa lý của thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông	- Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Khoa học và Công nghệ. - UBND quận, huyện quản lý và các cơ quan sử dụng công nghệ GIS vào quản lý	Bản đồ địa hình đa tỷ lệ Siêu dữ liệu định nghĩa CSDL địa chính	Tích hợp với hệ thống GIS nền toàn thành phố do Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hoàn thiện hệ thống GIS hạ tầng thông tin địa lý toàn thành phố.	Thực hiện 1 phần tại Sở Khoa học và Công nghệ. Xây dựng hoàn thiện CSDL và định kỳ cập nhật thường xuyên.
II. Hệ thống thông tin quản lý tài nguyên đất							
1	Hệ thống thông tin (HTTT) và CSDL quản lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất	Xây dựng CSDL địa chính theo chuẩn CSDL địa chính. Tin học hóa nghiệp vụ quản lý	Sở Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường	- Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - UBND quận	- Hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ kỹ thuật nhà đất	CSDL địa chính được tích hợp, liên kết tại UBND quận/ huyện với trung tâm dữ liệu tại	Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt mô hình đất đai xây dựng sử dụng thông

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
2	HTTT và CSDL giao, thuê quyền sử dụng đất	đất đai trên nền công nghệ GIS.	thuộc UBND quận/huyện, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp thành phố và cấp huyện	huyện quản lý và tra cứu thông tin nhà nhà nước và công trình xây dựng. - Quỹ phát triển nhà - Công ty dịch vụ công ích - Các ban quản lý khu đô thị	được thiết lập để quản lý. - Thông tin chi tiết về nhà ở được sở hữu - Thông tin về chủ sở hữu - Thông tin về tình trạng pháp lý nhà đất - Danh mục cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài sở hữu nhà tại thành phố - Danh mục nhà thuộc các tổ chức, thành phần kinh tế quản lý, sở hữu	Sở Tài nguyên và Môi trường và cổng thông tin thành phố.	nhất toàn địa bàn theo Quyết định 6233/QĐ-UBND. Triển khai 50% các phân hệ với phiên bản cũ tại các đơn vị. Đăng ký kế hoạch nâng cấp cập nhật triển khai đồng bộ tất cả hệ thống phiên bản mới tới các đơn vị quản lý
3	HTTT và CSDL ghi nhận biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất	- Cấp Giấy chứng nhận QSDĐ&SHN - Quản lý nhà sở hữu nhà nước: xác lập quyền sở hữu, giải quyết khiếu nại, tranh chấp, bố trí sử dụng, bán nhà, hoàn trả, trung mua...					
4	HTTT và CSDL giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất	- Quản lý công trình xây dựng - Quản lý sở hữu nhà của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài					
5	HTTT và CSDL quản lý bộ hồ sơ địa chính điện tử	- Thống kê, kiểm kê và lập quy hoạch sử dụng đất					
6	HTTT và CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	- Thay hệ thống sổ sách lưu trữ trên giấy thành dạng sổ sách điện tử.					
7	HTTT và CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng tình hình sử dụng đất						
8	HTTT và CSDL giá đất và thuế nhà đất						

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
II. Hệ thống thông tin về tài nguyên nước							
1	HTTT và CSDL Quản lý và lập quy hoạch kế hoạch sử dụng tài nguyên nước	Tạo lập CSDL và HTTT quy hoạch và hiện trạng tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước.	Các phòng ban chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - UBND quận huyện quản lý và tra cứu thông tin - Công ty dịch vụ công ích - Các ban quản lý khu đô thị - Đơn vị hoạt động khai thác... - Các sở, ban, ngành cấp nước, thoát nước, điện lực... 	Quy hoạch vị trí, trữ lượng và tình hình khai thác tài nguyên. Danh mục đơn vị tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác	Kiểm soát được tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước đảm bảo phù hợp với trữ lượng, quy hoạch phát triển.	Chưa triển khai
2	HTTT và CSDL Quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Nâng cao hoạt động quản lý về:					
3	HTTT và CSDL Thủ tục cấp phép giấy phép thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác quy hoạch kế hoạch khai thác sử dụng - Quản lý, theo dõi tình hình khai thác sử dụng - Quản lý cấp phép khai thác thăm dò tài nguyên nước - Đảm bảo trữ lượng, tình hình khai thác tránh sụt lún bề mặt đất bên trên - Vi phạm trong hoạt động khai thác tài nguyên nước 					

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
III. Hệ thống thông tin về tài nguyên khoáng sản							
1	HTTT và CSDL Quy hoạch điều tra địa chất khoáng sản	Tạo lập CSDL và HTTT quy hoạch và hiện trạng tình hình khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản.	Các phòng ban chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - UBND quận huyện quản lý và tra cứu thông tin - Công ty dịch vụ công ích - Đơn vị hoạt động khai thác... - Các sở, ban ngành cấp nước, thoát nước, điện lực... 	<p>Thiết lập được đầy đủ thông tin quy hoạch và chỉ tiêu khai thác theo các loại tài nguyên khoáng sản.</p> <p>Quy hoạch vị trí, trữ lượng và tình hình khai thác tài nguyên.</p> <p>Danh mục đơn vị tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác</p>	<p>Kết hợp và liên thông kết nối với các sở chuyên ngành, cập nhật hoàn thiện quy hoạch toàn thành phố.</p> <p>Kiểm soát được tình hình khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản đảm bảo phù hợp với trữ lượng, quy hoạch phát triển.</p>	Chưa thực hiện.
2	HTTT và CSDL Quản lý tài nguyên khoáng sản	Nâng cao hoạt động quản lý về:					
3	HTTT và CSDL Thủ tục cấp giấy phép hoạt động khai thác tài nguyên và khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác quy hoạch kế hoạch khai thác. - Quản lý, theo dõi tình hình khai thác sử dụng. - Quản lý cấp phép khai thác thăm dò - Đảm bảo trữ lượng, tình hình khai thác tránh sụt lún bề mặt đất bên trên. - Vi phạm trong hoạt động khai thác tài nguyên nước 					

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
IV. Hệ thống thông tin về môi trường							
1	HTTT và CSDL Quản lý hệ thống thông tin về môi trường	Tạo lập CSDL và HTTT quản lý thông tin về môi trường, hệ thống	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc.	Thiết lập được đầy đủ thông tin môi trường và chỉ số khoan trắc, xử lý chất thải.	Kết hợp và liên thông kết nối với các sở chuyên ngành về thông tin số liệu quan trắc, xử lý chất thải.	Chưa thực hiện
2	HTTT và CSDL quan trắc môi trường	quan trắc môi trường, hệ thống	Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND quận/huyện và các sở ban ngành chủ quản	- UBND quận, huyện quản lý và tra cứu	Danh mục đơn vị tổ chức, cá nhân được cấp phép quản lý, xử lý chất thải.	Kiểm soát được tình hình xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường sống.	
3	HTTT và CSDL quản lý và xử lý chất thải	quan trắc, chất lượng môi trường		- Công ty dịch vụ công ích	Đơn vị tổ chức, cá nhân được cấp phép quản lý, xử lý chất thải.	Kiểm soát được tình hình xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường sống.	
4	HTTT và CSDL Thủ tục cấp giấy phép quản lý chất thải, phế liệu	khu vực xử lý chất thải (chất lượng không khí, chất lượng nước mặt, chất lượng nước ngầm) Nâng cao hoạt động quản lý về môi trường, xử lý chất thải. Hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải Điều phối chất thải Quản lý cấp phép xử lý chất thải, nhập khẩu phế thải		- Các ban quản lý khu đô thị - Các sở, ban ngành vệ sinh môi trường, cơ quan xử lý, vận chuyển chất thải...	Công trình hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải Chu trình, đường vận chuyển chất thải	Kiểm soát lộ trình, đường đi thu gom xử lý chất thải.	

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
		Vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường... Kiểm tra tình hình xử lý chất thải.					
5	HTTT và CSDL công trình hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải.	Hệ thống quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải. Quản lý cầu cân Quản lý dự án xử lý chất thải ở khu liên hợp					
V. Hệ thống thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu							
1	HTTT và CSDL khí tượng thủy văn	Tạo lập CSDL và HTTT quản lý số liệu khí tượng thủy văn.	Sở Tài nguyên và Môi trường Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND quận/huyện	- Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - UBND quận huyện quản lý và tra cứu thông tin về khí tượng thủy văn.	Bộ số liệu về khí tượng thủy văn toàn thành phố	Có liên thông kết nối chia sẻ thông tin khí tượng thủy văn cho quá trình xây dựng phát triển đô thị.	Yêu cầu về liên kết, tích hợp tổng thể HTTT quản lý ngành xây dựng
2	HTTT và CSDL thủ tục cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn						

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
VI. Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ							
1	Các phần mềm tác nghiệp GIS biên tập, xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ	Cung cấp môi trường xây dựng CSDL và HTTT quản lý tập trung kho dữ liệu đo đạc, bản đồ toàn thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND quận/huyện	- Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - UBND quận, huyện quản lý. Sở ban ngành chuyên môn.	Dữ liệu thuộc tính, không gian đo đạc và bản đồ toàn thành phố	Có liên thông kết nối chia sẻ thông tin với các sở ban ngành phục vụ quản lý đô thị.	Yêu cầu về liên kết, tích hợp tổng thể HTTT quản lý ngành xây dựng, HTTT đất đai xây dựng
2	CSDL về đo đạc, bản đồ và không gian toàn thành phố						
VII. Hệ thống thông tin về quản lý biển và đảo							
1	Quy hoạch khai thác, phát triển tài nguyên các vùng biển, ven biển và đảo	Tạo lập CSDL và HTTT quy hoạch và khai thác tài nguyên, dịch vụ biển, đảo.	Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc. - UBND quận huyện quản lý. Sở ban ngành chuyên môn.	Dữ liệu thuộc tính, không gian vùng biển đảo và các dịch vụ khai thác	Có liên thông kết nối chia sẻ thông tin với các sở ban ngành phục vụ quản lý đô thị.	Chưa triển khai
2	Quản lý thực trạng khai thác và cấp phép sử dụng tài nguyên biển, hải đảo	Nâng cao hoạt động quản lý về môi trường biển đảo					
3	Quản lý ô nhiễm, suy thoái môi trường biển và hải đảo	Vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường, suy thoái biển...					

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
VIII. Xây dựng dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin xây dựng trực tuyến							
1	Môi trường dịch vụ nền GIS lĩnh vực xây dựng toàn thành phố	Lựa chọn và triển khai thống nhất bộ máy xử lý dữ liệu GIS cho biên tập và xử lý dữ liệu không gian chuyên ngành xây dựng. Khả năng hiển thị, xử lý và trao đổi đầy đủ định dạng GIS phổ biến và hỗ trợ cơ chế 3D từ các lớp dữ liệu.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND quận/huyện	Các sở ngành quản lý quy hoạch, hạ tầng đô thị biên tập dữ liệu không gian đô thị	Thiết lập toàn bộ dữ liệu không gian cần quản lý chuyên ngành xây dựng theo đúng định chuẩn	Bộ công cụ phần mềm môi trường phát triển đưa ra được đầy đủ chức năng biên tập dữ liệu không gian. Phát triển dịch vụ WebGIS.	Kiến nghị triển khai thống nhất 1 môi trường hoặc các môi trường hỗ trợ định dạng, chức năng có thể tương tác với nhau. Thực hiện năm 2014
2	Hệ thống phân tích và tổng hợp thông tin quản lý đô thị	Phân tích và tổng hợp thông tin quản lý đô thị ngành xây dựng trên trung tâm dữ liệu được tích hợp từ 24 cơ sở dữ liệu của quận/ huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường và trung tâm dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh	Các đơn vị liên quan quản lý đô thị chuyên ngành xây dựng (gồm các đơn vị tham gia, phối hợp thực hiện)	Báo cáo tổng hợp thông tin các lĩnh vực ngành xây dựng	Phân tích, tổng hợp thông tin lập cáo báo hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định	Liên kết dữ liệu từ dịch vụ tích hợp thông tin.

STT	Hệ thống	Mục tiêu sử dụng	Đơn vị quản lý, sử dụng	Đơn vị phối hợp thực hiện	Dữ liệu thiết lập	Yêu cầu	Ghi chú
3	Cổng dịch vụ tích hợp và cung cấp thông tin	+ Cổng dịch vụ tích hợp thông tin quản lý đô thị chuyên ngành xây dựng từ các hệ thống thông tin thành phần tại sở ngành và 24 đơn vị quận/ huyện, các sở ngành liên quan + Cung cấp thông tin quản lý đô thị chuyên ngành xây dựng trên cổng thông tin thành phố từ trung tâm dữ liệu và qua các điểm truy cập.	Sở Tài nguyên và Môi trường và trung tâm dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh	Các đơn vị, cá nhân tra cứu thông tin quản lý đô thị chuyên ngành xây dựng	+ Dữ liệu quản lý đô thị chuyên ngành xây dựng được tích hợp đầy đủ tại Server tập trung. + Thông tin các lĩnh vực ngành xây dựng cần tra cứu	+ Tích hợp và tổng hợp thông tin tự động online và offline (đảm bảo tính thống nhất của dữ liệu cả về dữ liệu thuộc tính và không gian) + Các hợp phần: Website tra cứu; Kiosk thông tin; Dịch vụ SMS Tổng đài trả lời (Call Center)	+ Hỗ trợ nhiều kênh thông tin tra cứu. + Nghiệp vụ tích hợp thông tin qua với sự hỗ trợ từ các bộ lọc thông tin. Thực hiện năm 2014 - 2015
4	Hệ thống quản lý đô thị ngành xây dựng cấp xã/ phường	UBND xã/ phường theo dõi được tình hình xây dựng trên địa bàn. Ghi nhận thông tin phản hồi thực tế trên địa bàn	Bộ phận địa chính cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Xác nhận bổ sung nguồn gốc, tình hình xây dựng thực tế tại địa bàn.	Tra cứu được thông tin các lĩnh vực ngành xây dựng phân cấp theo dõi, quản lý	Liên kết dữ liệu từ các hệ thống thông tin liên quan.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng